

 **VinaSecurities**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VINA

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Năm 2010



Corporate Finance • Brokerage • Research

Tầng 5, Tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam

☎ +848 3827 8278 📠 +848 3827 8368 ✉ sales@vinasecurities.com

🌐 www.vinasecurities.com 📊 Bloomberg: VNSC <GO>

| Mục lục | Trang |
|--|--------------|
| Lịch sử hoạt động của Công ty | 3 |
| Những sự kiện quan trọng:..... | 4 |
| Các dịch vụ của Công ty | 5 |
| Định hướng phát triển | 6 |
| | |
| Báo Cáo Hoạt động Kinh doanh | 8 |
| Diễn biến thị trường chứng khoán..... | 9 |
| Kết quả hoạt động kinh doanh | 11 |
| Triển vọng kinh doanh | 15 |
| Kế hoạch phát triển trong tương lai | 17 |
| | |
| Báo cáo tài chính..... | 19 |
| Tổ chức và nhân sự..... | 36 |
| Thông tin cổ đông và Quản trị công ty..... | 41 |

Lịch sử hoạt động của VinaSecurities

Những sự kiện quan trọng
Các dịch vụ của VinaSecurities
Định hướng phát triển

Những sự kiện quan trọng

Công ty

Công ty Cổ phần chứng khoán Vina (“VinaSecurities”) được thành lập vào ngày 26 tháng 12 năm 2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015219 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 26 tháng 12 năm 2006 với vốn điều lệ là 45 tỷ đồng.

Ngày 29 tháng 12 năm 2006, VinaSecurities được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán theo quyết định số 50/UBCK-GPHĐKD có trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh và được phép kinh doanh đầy đủ các nghiệp vụ gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Tháng 3 năm 2009, VinaSecurities được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước chấp thuận cho rút bớt nghiệp vụ tự doanh và bảo lãnh phát hành, đồng thời được chấp thuận tăng vốn điều lệ lên 100 tỷ đồng.

Tháng 4 năm 2010, Tập Đoàn VinaCapital chính thức trở thành cổ đông lớn của Công ty. Tập Đoàn VinaCapital, công ty quản lý đầu tư lớn nhất tại Việt Nam, hiện đang quản lý hơn 1,7 tỉ USD giá trị tài sản.

Tháng 10 năm 2010, VinaSecurities được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận tăng vốn điều lệ lên 185 tỷ đồng.

Ngày 27 tháng 10 năm 2010, VinaSecurities đã thành công trong việc ký kết hợp thỏa thuận hợp tác toàn diện với Macquarie Capital Securities Limited, một thành viên của tổ chức tài chính toàn cầu, Macquarie Group (Macquarie, ASX: MQG) theo đó cho phép khách hàng của Macquarie tiếp cận vào thị trường tài chính Việt Nam, một trong những thị trường phát triển nhanh nhất của châu Á và cho phép khách hàng của VinaSecurities tiếp cận các thị trường tài chính toàn cầu hiện tại của Macquarie. Phạm vi ban đầu của thỏa thuận giúp cho các khách hàng của Macquarie có thể nhận được các báo cáo nghiên cứu về cổ phiếu tập trung vào thị trường Việt Nam và thực hiện giao dịch cổ phiếu các công ty Việt Nam. Thỏa thuận cũng bao gồm thỏa thuận đối tác độc quyền giữa VinaSecurities và Macquarie về cung cấp các giao dịch trên thị trường vốn, mua bán và sáp nhập và các tư vấn tài chính khác.

Tóm tắt các sự kiện

| Thời gian | Sự kiện |
|-----------|---|
| 12/ 2006 | VinaSecurities được cấp giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán |
| 03/ 2007 | VinaSecurities được công nhận là thành viên lưu ký |
| 05/ 2007 | VinaSecurities được công nhận là thành viên của Sở Giao Dịch Chứng khoán Hà Nội |
| 08/ 2007 | VinaSecurities được công nhận là thành viên của Sở Giao Dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh |
| 02/ 2008 | Được chấp thuận tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng |
| 10/ 2008 | Được chấp thuận thành lập chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh |
| 03/ 2009 | Được chấp thuận cho rút bớt nghiệp vụ tự doanh và bảo lãnh phát hành chứng khoán và VinaSecurities chính thức hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên 100 tỷ |
| 09/ 2009 | VinaSecurities thay đổi trụ sở đặt tại TP Hồ Chí Minh và chi nhánh đặt tại Hà Nội |
| 04/ 2010 | VinaCapital chính thức trở thành cổ đông lớn của VinaSecurities |
| 10/ 2010 | Được chấp thuận tăng vốn điều lệ lên 185 tỷ đồng |
| 10/ 2010 | Ký kết hợp đồng hợp tác toàn diện độc quyền với Công ty chứng khoán Macquarie Capital, thành viên của Tập đoàn Tài chính Toàn cầu Macquarie (MQG). |

Các dịch vụ cung cấp

Các dịch vụ kinh doanh chính của VinaSecurities bao gồm dịch vụ môi giới chứng khoán, các dịch vụ chứng khoán, tư vấn tài chính doanh nghiệp, phân tích và tư vấn đầu tư.

Môi giới

Là một trong những nhà môi giới duy nhất không có hoạt động tự doanh ở Việt Nam, VinaSecurities cung cấp những dịch vụ không mâu thuẫn lợi ích cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

VinaSecurities cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán và các dịch vụ chứng khoán như lưu ký chứng khoán, quản lý sổ cổ đông, phục vụ đối tượng khách hàng là các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân.

Dịch vụ môi giới đa ngôn ngữ của VinaSecurities được thị trường đón nhận nhờ các dịch vụ vượt trội dựa trên hiểu biết sâu rộng của chúng tôi về kinh tế Việt Nam. Với lợi thế về các mối quan hệ rộng khắp, VinaSecurities cung cấp cho khách hàng những đánh giá và nghiên cứu và nhận định về thị trường kịp thời, các dịch vụ môi giới nhanh chóng và các sản phẩm mới phong phú- tất cả nhằm mục đích giúp khách hàng đạt lợi nhuận kỳ vọng.

Tài Chính Doanh Nghiệp

VinaSecurities cung cấp dịch vụ Tài Chính Doanh Nghiệp trong 4 lĩnh vực chính:

Thị trường Vốn (ECM)

- Tư vấn cổ phần hóa
- Chào bán chứng khoán lần đầu cho công chúng và chào bán lần sau
- Giao dịch chứng khoán với khu vực tư nhân
- Các cơ cấu liên quan đến vốn sở hữu chủ

Mua bán và sáp nhập công ty (M & A)

- Tư vấn việc mua bán và sáp nhập công ty (M & A) xuyên quốc gia
- Tư vấn cho đối tượng trong nước

Thị trường Vốn Nợ (DCM)

- Trái phiếu
- Cơ cấu tài chính
- Tài trợ dự án

Tư vấn cho doanh nghiệp

- Tư vấn chiến lược
- Tái cấu trúc công ty
- Mua lại công ty theo cơ chế đòn bẩy tài chính

VinaSecurities là công ty chứng khoán đầu tiên được Việt Nam cấp phép bảo lãnh phát hành chứng khoán huy động vốn vay và chứng khoán vốn. Bộ Phận Tài Chính Doanh Nghiệp VinaSecurities, với vai trò tư vấn cho cả bên bán và bên mua, đã thực hiện nhiều hợp đồng quan trọng tại Việt Nam, bao gồm tư vấn bảo lãnh phát hành trái phiếu cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), tư vấn bảo lãnh phát hành trái phiếu cho Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - SATRA, Tư vấn phát hành cổ phiếu cho Tập đoàn Hòa Phát, Tư vấn phát hành cổ phiếu cho Công ty CP Đầu Tư Nam Long, Tư vấn giao dịch chuyên nhượng vốn cho Khách Sạn Hilton Hà Nội.

Nghiên cứu Phân tích

Đội ngũ nghiên cứu phân tích của VinaSecurities cung cấp các sản phẩm nghiên cứu phân tích sâu sắc và khách quan nhằm giúp khách hàng có những quyết định đầu tư hiệu quả.

Định hướng phát triển

Mục tiêu chủ yếu

VinaSecurities hướng đến mục tiêu trở thành công ty chứng khoán hàng đầu trong thị trường trong nước. VinaSecurities hiện đang xây dựng và củng cố vị thế của mình trên thị trường chứng khoán Việt Nam bằng việc hướng đến khách hàng là các tổ chức trong và ngoài nước, nhóm khách hàng mà các công ty môi giới trong nước chưa quan tâm phục vụ tốt, cũng như là các nhà đầu tư cá nhân chuyên nghiệp.

Định hướng của Công ty là trở thành đối tác, lựa chọn của nhà đầu tư mong muốn tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam bằng việc cung cấp cho khách hàng các dịch vụ đa dạng, phân tích chuyên sâu và các giải pháp hiệu quả cao trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp.

VinaSecurities quyết tâm áp dụng các chuẩn mực quốc tế về tuân thủ luật pháp trong hoạt động hàng ngày của công ty. Mục đích của VinaSecurities là tạo niềm tin, sự tin cậy đối với khách hàng cũng như nhận được sự tin nhiệm từ phía khách hàng, từ đó tạo thuận lợi cho quan hệ giao dịch lâu dài với khách hàng. VinaSecurities đảm bảo các vấn đề sau đây sẽ được giám sát chặt chẽ nhằm tuân thủ các quy định hiện hành:

- Trách nhiệm đối với nhân viên
- Giao dịch tài khoản cá nhân
- Trách nhiệm pháp lý
- Ghi chép sổ sách
- Thao túng thị trường
- Giao dịch nội gián
- Hướng dẫn tiếp thị
- Hướng dẫn phân tích chứng khoán
- Đánh giá năng lực của đối tác tiềm năng



| | | | |
|-------|--------------|--------------|---------|
| HSX : | MSN 87.0 4.0 | MTG 6.3 0.1 | NAV 8.0 |
| HNX : | PCG 6.8 -0.5 | PDC 6.8 -0.3 | PFL 8.9 |



What's News - 20/4/2011

Market News

connected person (Mr. Dung)
GDW: Notice of record date for Dividend payment

Today Highlights

Market Commentary Economics News Latest Research

Market
Commentary
19-Apr-2011
VinaSecurities



Market
Commentary
18-Apr-2011
VinaSecurities



Type your search... View

Ticker News

Live price quotes

HSX HNX UPCOM

Trading

Giao diện mới của website công ty.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

VinaSecurities hướng đến mục tiêu trở thành công ty chứng khoán hàng đầu trong thị trường trong nước. Để đạt được mục tiêu này, VinaSecurities hướng hoạt động kinh doanh của mình theo các nguyên tắc sau:

- Lợi ích của khách hàng được ưu tiên hàng đầu
- Lợi thế cạnh tranh của VinaSecurities là đội ngũ nhân viên
- VinaSecurities luôn luôn nỗ lực tối đa đáp ứng nhu cầu khách hàng hơn mức mong đợi
- Đổi mới và hiện đại là biện pháp duy nhất để tồn tại. Để đạt được mức độ tiên tiến cao, VinaSecurities liên tục thu hút, trọng dụng và khích lệ đội ngũ nhân viên.
- Trung thực và thành thật là nguyên tắc nền tảng của hoạt động kinh doanh của VinaSecurities. Mọi nhân viên của VinaSecurities luôn duy trì chuẩn mực đạo đức cao trong mọi công tác hàng ngày.
- Lợi dụng và trục lợi thông tin là tuyệt đối cấm tại VinaSecurities.
- Hoạt động của VinaSecurities mang tính cạnh tranh cao, nhưng VinaSecurities luôn thể hiện tinh thần cạnh tranh lành mạnh, tuyệt đối không xúc phạm thanh danh của các công ty khác.
- Xây dựng đội ngũ chuyên gia kỳ cựu thuộc các lĩnh vực kinh doanh, giao dịch, phân tích và đầu tư chứng khoán, tài chính doanh nghiệp.
- Kết hợp nhuần nhuyễn giữa tập quán quốc tế và kiến thức thị trường nội địa.
- Chăm sóc và nâng cao tinh thần, vật chất đối với lực lượng lao động của Công ty.
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp hướng về khách hàng, đoàn kết và thực hiện nghiêm túc các quy định ngành.
- Nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin nhằm đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Báo Cáo Hoạt động Kinh doanh

Diễn biến thị trường chứng khoán
Kết quả hoạt động kinh doanh
Triển vọng kinh doanh
Kế hoạch phát triển trong tương lai

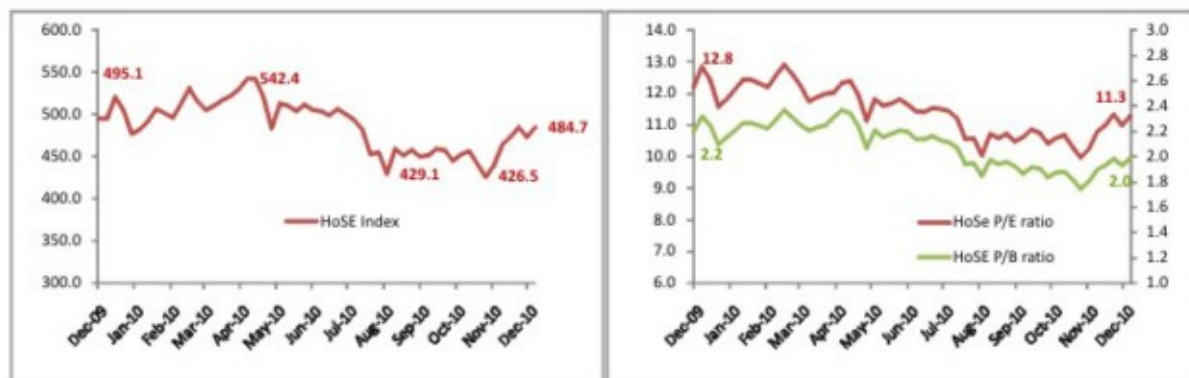
Diễn biến thị trường chứng khoán

Điểm lại thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2010 với những biến động/ thay đổi lớn vừa thuận lợi vừa khó khăn.

Năm 2010 là một năm tương đối mờ nhạt đối với thị trường chứng khoán Việt Nam, chỉ một số cổ phiếu Bluechip giao dịch sôi động trong khi hầu như toàn sàn HOSE thực sự tẻ nhạt trong năm và phần lớn các cổ phiếu có mức vốn hóa nhỏ giao dịch khá ảm đạm trên sàn HNX.

Trong năm 2010, chỉ số VN-Index giảm 2,16% đóng cửa ở mức 484,66 điểm. Nếu không nhờ các cổ phiếu VIC (Vincom), BVH (Bao Viet Holdings) và MSN (Masan Group), lần lượt tăng 83,9%, 113,8% và 114,9% trong năm, chỉ số VN-Index có thể đã kết thúc giảm nhiều hơn mức nêu trên. Mặt khác, chỉ số HNX-Index giảm 30,7%, đóng cửa ở mức 114,24 điểm. Tác động đáng kể nhất ảnh hưởng đến chỉ số sàn HNX chính là sự suy giảm của các cổ phiếu ACB (Asia Commercial Bank), SQC (Saigon - Quy Nhon Mining) and VCG (VinaConnex) chiếm tổng cộng 18,5 điểm trong số 50,6 điểm giảm của sàn HNX trong năm qua. Ngoài các cổ phiếu chủ lực này, hầu hết các cổ phiếu có mức vốn trung bình và nhỏ đều giao dịch tẻ nhạt và không có đột biến về giá.

Trong suốt năm 2010, các chỉ số định giá của thị trường vốn trong khu vực trở nên hấp dẫn hơn khi tăng trưởng lợi nhuận được duy trì và các chỉ số PE và P/B giảm đi. So với các quốc gia khác trong Châu Á, đặc biệt là các thị trường khối ASEAN (Thái Lan, Mã Lai và Indonesia), các chỉ số lợi nhuận của Việt Nam bắt đầu ngày càng hấp dẫn hơn, đặc biệt trong 6 tháng cuối năm.



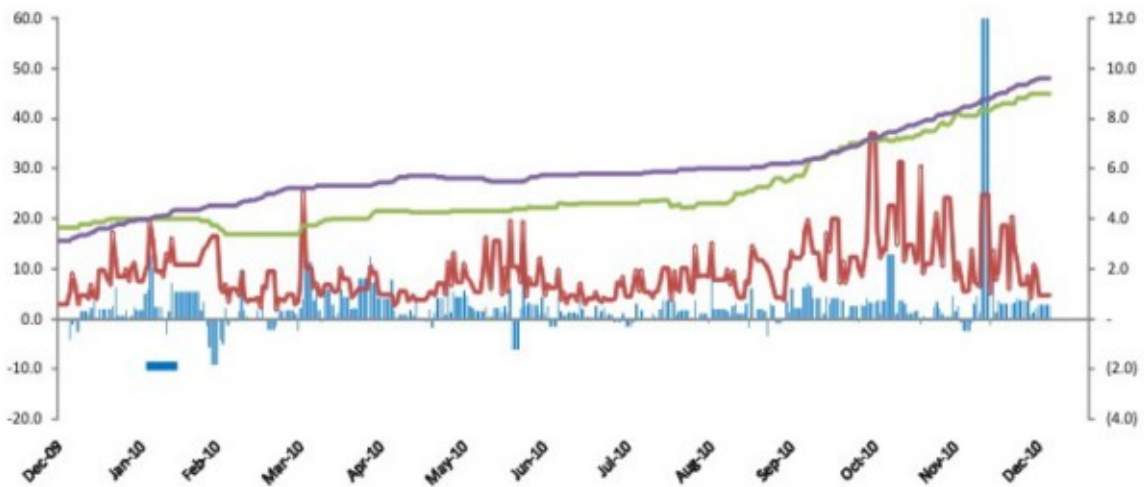
| Định giá trong nước | P/B T12 | P/E T12 | P/E 10E | P/E 11E |
|---------------------|---------|---------|---------|---------|
| HoSE (VNINDEX) | 2.0 | 11.3 | 10.6 | 10.3 |
| HaSTc (VHINDEX) | 1.0 | 9.6 | 7.6 | n.a. |
| MSCI Vietnam | 3.1 | 13.7 | 12.6 | 12.2 |

| Định giá khu vực | P/B T12 | P/E T12 | P/E 10E | P/E 11E |
|---------------------|---------|---------|---------|---------|
| MSCI Asia ex Japan | 2.1 | 15.7 | 13.3 | 13.0 |
| MSCI Emerg. Mkts. | 2.1 | 14.6 | 11.9 | 11.6 |
| MSCI Frontier Mkts. | 1.7 | 16.2 | 11.4 | 11.6 |
| MSCI China | 2.4 | 14.8 | 12.0 | 11.9 |
| MSCI India | 3.4 | 18.6 | 19.6 | 16.1 |
| MSCI Indonesia | 4.5 | 19.1 | 14.2 | 14.2 |
| MSCI Malaysia | 2.4 | 17.7 | 15.4 | 14.6 |
| MSCI Thailand | 2.4 | 14.5 | 14.4 | 12.4 |

Source Bloomberg

Nguyên nhân khiến thị trường giao dịch tẻ nhạt chủ yếu do các mối lo ngại thường xuyên về tăng trưởng không theo chính sách kinh tế như sự tăng giá vượt mức của vàng (+28%) cùng với sự phá giá tiền đồng (-5.7%) trong năm 2010. Điều này dẫn đến quan ngại lan rộng về nguy cơ lạm phát gây ra bởi tăng trưởng tín dụng và sự phá giá tiền đồng hơn nữa và cuối cùng khiến các nhà đầu tư trong nước chuyển hướng sang đầu tư các loại tài sản khác (như bất động sản, vàng và ngoại tệ).

Trong năm 2010, khối ngoại liên tục mua ròng cổ phiếu các công ty Việt Nam với tổng giá trị lên đến 16.200 tỷ đồng trên cả hai sàn HOSE và HNX, tăng đáng kể so với mức 3.400 tỷ đồng trong năm 2009. Nguồn vốn giao dịch chủ yếu thông qua 2 quỹ giao dịch chỉ số (ETF) là DB-Tracker FTSE Vietnam ETF và Market Vectors Vietnam ETF niêm yết tại Mỹ. Cổ phiếu lưu hành của cả hai quỹ đều tăng giá hơn gấp đôi trong năm, đặc biệt là vào quý 4 năm 2010. Hai quỹ ETF nắm giữ tổng cộng hơn 500 triệu USD trị giá cổ phiếu các công ty Việt Nam và một số danh mục đầu tư lớn hơn như HAG (Hoàng Anh Gai Lai), BVH (Tập Đoàn Bảo Việt) và VIC (Vincom).



Năm 2010 cũng là năm đánh dấu bước phát triển mới của thị trường chứng khoán, nhất là đối với thị trường UPCoM. Trung tâm Lưu ký đã đưa ra những biện pháp giám sát trong việc quản lý chặt chẽ hơn tài khoản của nhà đầu tư, làm nền tảng cho sự phát triển sản phẩm mới ở những năm tiếp theo.

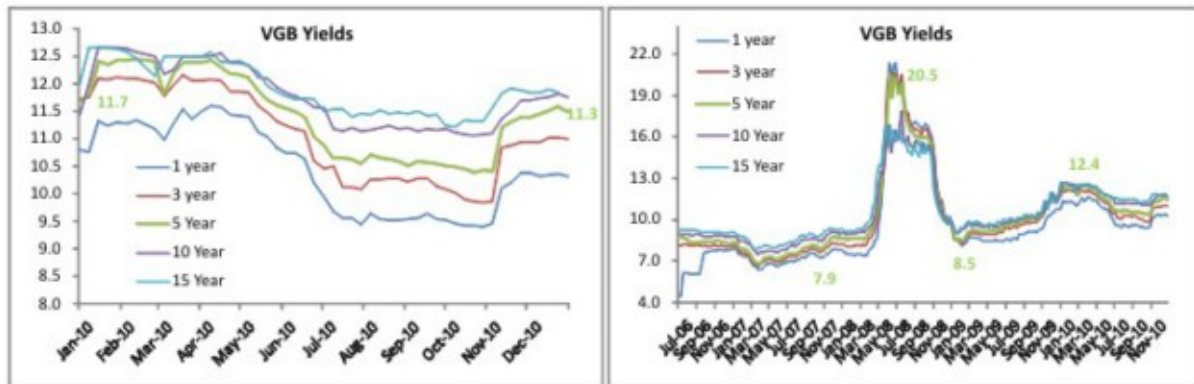
Thị trường trái phiếu

Trong năm 2010, tỷ suất lợi nhuận trái phiếu thị trường thứ cấp khá ổn định. Tỷ suất lợi nhuận trái phiếu chuẩn kỳ hạn 5 năm mở đầu năm ở mức 11.7% và kết thúc năm ở mức 11,3%, chỉ giảm 0,4%, tuy nhiên tại những thời điểm khác nhau trong năm, tỷ suất lợi nhuận tăng cao đến 12,5% và giảm tối thiểu là 10,0% đối với trái phiếu kỳ hạn 3 năm đến 5 năm. Trái phiếu thị trường thứ cấp duy trì ở mức 2 con số phản ánh giới đầu tư vẫn dè chừng về nguy cơ lạm phát trong nền kinh tế.

Trên thị trường chứng khoán, đáng kể là một số đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi của các công ty niêm yết trong năm 2010. Các giao dịch nổi bật nhất là việc Hoàng Anh Gia Lai (HAG) phát hành trái phiếu chuyển đổi trị giá 1.100 tỷ đồng cho Tập Đoàn Temasek của Singapore, Masan Holding phát hành chứng chỉ nợ chuyển đổi trị giá 100 triệu đô la Mỹ cho 3 quỹ do Dragon Capital quản lý nhằm đầu tư khai thác mỏ Tungsten núi Pháo và các trái phiếu chuyển đổi trị giá nhỏ hơn do Tập Đoàn Masan Group (MSN), Công Ty CP Đầu tư Hạ Tầng Kỹ Thuật TP. Hồ Chí Minh (CII) và Công ty CP Quốc Cường Gia Lai (QCG) phát hành.

Đối với thị trường nợ công tại Việt Nam, điểm nổi bật trong năm chính là đợt phát hành thành công trái phiếu chính phủ trị giá 1 tỷ USD với lãi suất cuốn phiếu 6,75% vào tháng 01/2010. Đợt phát hành này theo báo cáo đã được đăng ký mua hết và mức chiết khấu là 1,4% so với mệnh giá.

Cuối năm 2010, sự kiện Vinashin không có khả năng chi trả khoản nợ định kỳ 60 triệu USD trên tổng giá trị 600 triệu USD Trái phiếu công ty vào cuối tháng 12/2010 đã khiến toàn thị trường trái phiếu rơi vào tình trạng đen tối. Hậu quả trước mắt là việc các tổ chức Standard & Poors và Moody's lần lượt hạ mức tín nhiệm xuống một bậc thành BB- và B1 kèm theo với đánh giá triển vọng tiêu cực. Ngoài ra, đầu năm nay, PetroVietnam nêu lý do tình hình thị trường không thuận lợi, đã trì hoãn kế hoạch phát hành trái phiếu trị giá 1 tỷ USD. Việc nhanh chóng tái cơ cấu kỳ hạn trái phiếu của Vinashin và giải quyết các rủi ro liên quan đến việc mất khả năng thực hiện nghĩa vụ tài chính của các doanh nghiệp nhà nước là điều kiện tiên quyết cần thiết để tiếp tục phát hành chứng khoán nợ trên thị trường quốc tế.

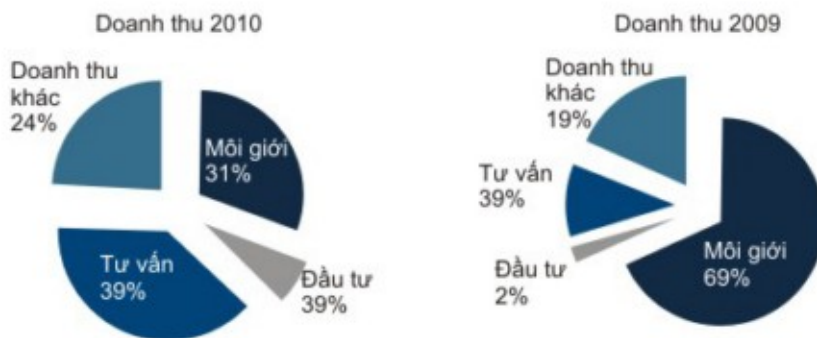


Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Doanh thu và lợi nhuận

| | 2010 triệu đồng | 2009 triệu đồng |
|--|--------------------|--------------------|
| Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán | 3.678 | 6.348 |
| Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán | 776 | 189 |
| Doanh thu hoạt động tư vấn | 4.712 | 894 |
| Doanh thu hoạt động REPO | - | 604 |
| Doanh thu khác | 2.908 | 1.182 |
| Tổng cộng | 12.074 | 9.218 |

Kết thúc năm tài chính 2010, VinaSecurities đạt được 12 tỷ đồng doanh thu chủ yếu bao gồm doanh thu Môi giới đạt 3.7 tỷ đồng, doanh thu tư vấn đạt 4.7 tỷ đồng và doanh thu khác đạt 2.9 tỷ đồng. Nhìn chung, doanh thu năm 2010 tăng 31% so với doanh thu năm 2009 chủ yếu là do 2010 VinaSecurities bắt đầu tập trung phát triển mảng dịch vụ tư vấn theo chiến lược phát triển.



Doanh thu tư vấn tăng một cách đáng kể 427% so với năm 2009 và chiếm 39% tổng doanh thu tăng 29% so với tỷ trọng 10% của năm 2009. Hoạt động tư vấn trong năm 2010 là bước khởi đầu của một lĩnh vực chiến lược của Công ty và đã ký kết và triển khai được 8 hợp đồng tư vấn doanh nghiệp các loại với tổng giá trị khoảng hơn 11.500 tỷ đồng.

Doanh thu hoạt động môi giới giảm 42% so với năm 2009, chiếm 31% tổng doanh thu và giảm 38% so với tỷ trọng 69% của năm 2009. Kết quả của hoạt động môi giới chủ yếu xuất phát từ tình hình ảm đạm của thị trường chứng khoán trong suốt năm 2010. Kết thúc năm 2010, số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán tăng 10% so với cuối năm 2009.

Trong năm 2010, VinaSecurities tiếp tục thanh lý các khoản đầu tư cũ nhiều hơn năm 2009 làm cho doanh thu hoạt động đầu tư tăng đáng kể so với năm 2009

Tình hình tài chính

Với thị trường chứng khoán năm 2010 ảm đạm và tẻ nhạt cùng với thời điểm VinaSecurities vừa trải qua cuộc tái cơ cấu với nhiều sự thay đổi, kết quả năm 2010 đạt được không khả quan với kết quả lỗ 35 tỷ đồng, tăng 5% so với kết quả lỗ năm 2009.

Tổng tài sản tại thời điểm cuối năm đạt 78 tỷ đồng, tăng 35% so với năm 2009 chủ yếu do khoản đầu tư góp vốn trong năm. Trong năm 2010, VinaSecurities thực hiện tăng vốn điều lệ từ 100 tỷ đồng lên 185 tỷ đồng.

| | 2010 triệu đồng | 2009 triệu đồng |
|------------------------|--------------------|--------------------|
| Tổng tài sản | 78.041 | 57.610 |
| Doanh thu thuần | 12.074 | 9.219 |
| Tổng chi phí hoạt động | 67.065 | 63.772 |
| Lỗ trước thuế | (35.441) | (33.737) |

Với một năm đầy khó khăn và thử thách, tuy nhiên VinaSecurities vẫn đảm bảo các chỉ tiêu tài chính lành mạnh, đảm bảo khả năng thanh toán cũng như các chỉ tiêu an toàn tài chính theo yêu cầu của Ủy Ban Chứng khoán. Cơ cấu nợ và vốn chủ sở hữu có sự cải thiện đáng kể, theo đó cơ cấu Nợ/ Vốn chủ sở hữu giảm từ 83,9% xuống còn 24,61%. Khả năng thanh toán trong năm 2010 tăng từ 3-4 lần so với năm 2009. Các tỷ số sinh lời cũng được cải thiện đáng kể.

| Chỉ tiêu | Đơn vị | 2010 | 2009 |
|---------------------------------------|--------|----------|----------|
| Cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn | | | |
| Cơ cấu tài sản | | | |
| Tài sản cố định / tổng tài sản | % | 14,07 | 9,35 |
| Tài sản lưu động / tổng tài sản | % | 85,93 | 90,65 |
| Cơ cấu vốn | | | |
| Nợ/tổng nguồn vốn | % | 24,61 | 83,90 |
| Nguồn vốn chủ sở hữu / tổng nguồn vốn | % | 75,39 | 16,10 |
| Khả năng thanh toán | | | |
| Tổng tài sản / nợ phải trả | Lần | 4,06 | 1,19 |
| Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn | Lần | 3,58 | 1,09 |
| Khả năng thanh toán nhanh | Lần | 3,03 | 0,94 |
| Tỷ suất sinh lời | | | |
| Lỗ thuần / doanh thu thuần | % | (293,52) | (365,97) |
| Lỗ thuần / tổng tài sản | % | (45,41) | (58,56) |
| Lỗ thuần / vốn chủ sở hữu | % | (60,24) | (363,63) |

Số lượng cổ phiếu

Tại ngày kết thúc năm tài chính, vốn cổ phần của VinaSecurities là 185 tỷ đồng, chia thành 18.500.000 cổ phần phổ thông (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần).

Cổ tức/ lợi nhuận chia cho các cổ đông

Đến thời điểm 31/12/2010, Công ty không thực hiện chia cổ tức năm 2010 do lũy kế đến 31/12/2010 Công ty đang bị lỗ.

Hoạt động tư vấn Tài chính

Doanh thu tư vấn tăng một cách đáng kể 427% so với năm 2009 và chiếm 39% tổng doanh thu tăng 29% so với tỷ trọng 10% của năm 2009. Hoạt động tư vấn trong năm 2010 là bước khởi đầu của một lĩnh vực chiến lược của Công ty và đã ký kết và triển khai được 8 hợp đồng tư vấn doanh nghiệp các loại với tổng giá trị khoảng hơn 11.500 tỷ đồng. Đây là bước khởi đầu khá thành công đặt nền tảng cho sự phát triển ổn định bền vững của hoạt động tư vấn trong thời gian tới.

Bộ phận tư vấn hiện tại với đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao, dày dặn kinh nghiệm thực tế trong và ngoài nước có thể nói là một đội ngũ mạnh so với các công ty chứng khoán khác. Bộ phận tư vấn doanh nghiệp của VinaSecurities hiện cung cấp nhiều dịch vụ tư vấn tài chính bao gồm tư vấn cổ phần hóa, tư vấn phát hành chứng khoán, tư vấn niêm yết, tư vấn mua bán sáp nhập, tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp, tư vấn chiến lược.

Hoạt động Môi giới

Trong năm 2010, VinaSecurities tiếp tục đầu tư lớn vào hệ thống công nghệ thông tin nhằm hiện đại hóa công nghệ, nâng cao năng lực phục vụ khách hàng cũng như góp phần thúc đẩy tăng trưởng doanh thu trong năm cũng như các năm trong tương lai. Hệ thống giao dịch mới Invest Expert của TTL - một hệ thống core hiện đại ổn định đã chính thức go lives trong Quý I năm 2010, kết nối trực tuyến với Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hồ Chí Minh và Hà Nội.

Cũng trong năm 2010, VinaSecurities đã triển khai cung cấp giao dịch trực tuyến qua internet cho nhà đầu tư với chế độ bảo mật cao đúng yêu cầu của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, đem lại nhiều tiện ích cho nhà đầu tư. Giao dịch trực tuyến qua internet đã được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp phép chấp thuận. Ngoài ra, VinaSecurities đã thành công trong việc tổ chức các buổi hội thảo về ngành bất động sản, ngân hàng, các chính sách kinh tế vĩ mô. Đưa ra các nhận định nhằm khuyến nghị bổ ích cho nhà đầu tư trong việc đưa ra quyết định đầu tư hợp lý trong giai đoạn khó khăn. Bên cạnh đó, VinaSecurities trong năm vừa qua đã xúc tiến cung cấp gói dịch vụ bảo cáo cho nhà đầu tư, là dịch vụ cung cấp các báo cáo theo yêu cầu và báo cáo giao dịch hàng ngày qua email cho khách hàng. Song song, VinaSecurities đã triển khai dịch vụ SMS, cung cấp tin nhắn về kết quả khớp lệnh, tình trạng danh mục đầu tư cho khách hàng.

Trong năm 2010, VinaSecurities đưa vào sử dụng bảng giá trực tuyến ở các sàn giao dịch, cung cấp thêm công cụ tra cứu thông tin, diễn biến thị trường cho nhà đầu tư. Nằm trong kế hoạch hiện đại hóa công nghệ, VinaSecurities đã xây dựng và triển khai website thể hệ mới từ tháng 9/2010 với nhiều sự đổi mới như cung cấp đầy đủ thông tin các doanh nghiệp niêm yết, phân tích kỹ thuật, tra cứu lịch sử giá, dữ liệu thị trường, và nhiều tính năng hữu ích khác nhằm phục vụ tốt hơn các khách hàng.

Hoạt động Nghiên cứu phân tích

Đóng góp một phần đáng kể vào sự tăng trưởng và phát triển các dịch vụ của VinaSecurities phải kể đến hoạt động của bộ phận Nghiên cứu phân tích. Đội ngũ nhân viên phân tích hiện có là một trong những đội ngũ phân tích mạnh nhất thị trường với năng lực thể hiện như sau:

- Là công ty đầu tiên đưa ra các báo cáo với các khuyến nghị dựa trên các yếu tố thị trường để hỗ trợ nhà đầu tư chọn lựa chứng khoán.
- Là công ty đầu tiên phân tích chứng khoán với các dự báo từ 3 đến 5 năm nêu ra trong Báo cáo lãi & lỗ, Báo cáo dòng tiền mặt và Bản cân đối tài khoản.
- Là công ty đầu tiên thực hiện các bản tin nhanh tóm lược về các công ty niêm yết.
- Thực hiện các báo cáo phân tích chứng khoán toàn diện nhất tại Việt Nam.
- Việc phân tích chứng khoán dựa trên nền tảng của khả năng chuyên môn về định giá chứng khoán và mô hình tài chính doanh nghiệp vững chắc.

Đồng thời, bộ phận Nghiên cứu phân tích đặc biệt chú ý đến yếu tố chất lượng nhằm mang lại sản phẩm độc đáo “hiệu quả nhất trên thị trường” cho khách hàng.

Trong năm 2010, hoạt động Nghiên cứu phân tích đã cung cấp các sản phẩm phân tích sau:

- Bản tin thị trường hàng ngày: cung cấp tóm tắt tình hình, xu hướng thị trường trong ngày cùng với bình luận của VinaSecurities.
- Báo cáo phân tích công ty: phân tích toàn diện và chuyên sâu các công ty niêm yết cũng như cập nhật các thông tin có liên quan ảnh hưởng đến các công ty này một cách thường xuyên.
- Báo cáo phân tích tình hình kinh tế vĩ mô: định kỳ hàng tháng phân tích tình hình kinh tế và ảnh hưởng của các yếu tố kinh tế vĩ mô đến thị trường chứng khoán
- Bình luận kinh tế vĩ mô: bình luận các sự kiện kinh tế vĩ mô cụ thể
- Báo cáo phân tích chiến lược

Trong năm 2010, VinaSecurities nhận được giải **The 2010 Best Analyst** trong thị trường Việt Nam do tổ chức Bloomberg Inc đánh giá. Giải thưởng này thể hiện sự công nhận và đánh giá cao đối với chất lượng các bản báo cáo phân tích của VinaSecurities trên thị trường khu vực cũng như thị trường quốc tế.

Những tiến bộ khác VinaSecurities đã đạt được

Bên cạnh việc đầu tư cho hệ thống giao dịch ngày càng hiện đại, phục vụ khách hàng ngày càng tốt hơn, VinaSecurities tiếp tục chỉnh sửa, hoàn thiện hệ thống quy trình, quy định nội bộ trong hoạt động Môi giới, tư vấn, nghiên cứu, công nghệ thông tin, tài chính kế toán, nhân sự nhằm nâng cao chất lượng của hệ thống quy chế, quy trình, quy định nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ. Đây là một trong các yếu tố giúp VinaSecurities nâng cao chất lượng dịch vụ và kiểm soát được rủi ro.

VinaSecurities thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong toàn bộ các hoạt động của VinaSecurities như email, voice mail, điện thoại, quản lý khách hàng, quản lý hệ thống máy chủ, vv... nhằm tối đa hóa sử dụng, tăng cường tính năng động và ngăn chặn rủi ro.

Triển vọng kinh doanh

Thị trường Việt Nam đang vốn hóa ở mức 14% GDP (tổng sản phẩm nội địa) là thị trường nhỏ nhất trong khu vực so với Singapore đạt mức 140%, Ấn độ là 60% và Trung quốc là 40%. Trong các năm kế tiếp từ 2011-2015 được kỳ vọng sẽ xảy ra nhiều sự kiện lớn thúc đẩy sự tăng trưởng của thị trường như sau:

- Nền kinh tế ổn định trở lại với GDP trên đà tăng trưởng vững chắc. Nhà đầu tư bắt đầu có lại niềm tin.
- Việc giao dịch mua ký quỹ và gia hạn giờ giao dịch sẽ được cho phép.
- Việc cổ phần hóa các công ty nhà nước sẽ bắt đầu lại khi thời kỳ khủng hoảng kinh tế năm 2009 và 2010
- Khách hàng có thể mở nhiều tài khoản với nhiều nhà môi giới.
- Giờ giao dịch được dự định kéo dài để tạo điều kiện thu hút thêm nhiều nhà đầu tư thực hiện các lịch giao dịch khác nhau.
- Qui định về quyền sở hữu của bên nước ngoài dự định sẽ nới lỏng để thu hút nguồn vốn nước ngoài.

Bên cạnh đó, Sàn giao dịch TP. Hồ Chí Minh có kế hoạch sẽ trở thành thị trường chính của quốc gia và sàn giao dịch Hà Nội chú trọng vào việc giao dịch cổ phiếu chưa niêm yết và trái phiếu. Đồng thời, thị trường phái sinh (đặc biệt về quyền chọn chứng khoán và hợp đồng tương lai) được dự tính hình thành và đi vào hoạt động. Một trung tâm lưu ký chứng khoán cho cả hai sàn giao dịch TP. Hồ Chí Minh và Hà Nội dự tính sẽ được thành lập vào năm 2015.

Hiện vẫn còn nhiều cơ hội phát triển cho các công ty chứng khoán do các lý do sau:

- Cho đến nay, chưa có công ty chứng khoán nào có khả năng trở thành nhân tố chiếm lĩnh thị trường
- Các mã chứng khoán niêm yết hiện nay nước vẫn chưa được phân tích đầy đủ. Năng lực phân tích của các công ty chứng khoán trong nước chưa đạt hiệu quả cần thiết theo tiêu chuẩn quốc tế.
- Các nhà môi giới trong nước chỉ chú trọng đến các nhà đầu tư cá nhân mà chưa quan tâm đến các tổ chức đầu tư.

Thêm vào đó, thị trường Việt Nam có một số đặc điểm hứa hẹn:

- Các ngành tăng trưởng mạnh gồm: kinh doanh nông nghiệp có qui mô, cà phê, cao su, thủy sản.
- Các khoản tiền tiết kiệm tiềm ẩn dưới hình thức vàng và đô la tạo nên nguồn vốn có thể được huy động khi điều kiện thị trường thuận lợi.
- Các ngân hàng lớn lần lượt niêm yết và các giao dịch mua bán và sáp nhập công ty sẽ là nguồn cung hàng hóa thường xuyên cho thị trường chứng khoán.
- Khối lượng giao dịch chứng khoán trong nước phát triển báo hiệu sự tăng trưởng của ngành dịch vụ tài chính trong nhiều năm đến.

Các dự báo chính trong năm 2011

Chính phủ Việt Nam đã đặt chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế là 7,5% trong năm 2011 và mức lạm phát hàng năm không vượt quá 7,5%. Căn cứ vào nội dung chính sách công bố hiện nay, các cấp chính quyền có vẻ sẵn sàng đạt được chỉ tiêu tăng trưởng thông qua định hướng tăng trưởng tín dụng 23% trong năm 2011. Mặc dù mức tăng trưởng tín dụng trên có thể bảo đảm mức tăng trưởng GDP vững chắc, nhưng lịch sử gần đây cho thấy mức tăng trưởng tín dụng trên 20% thường dẫn đến áp lực gia tăng lạm phát đặc biệt vào thời điểm các tháng nghỉ lễ thuộc quý cuối cùng và đầu tiên của năm. Áp lực lạm phát kéo dài là nguy cơ lớn đối với sự ổn định kinh tế và tăng trưởng xét về mặt lâu dài.

Mặt khác, các cán bộ cấp cao của ngân hàng Nhà nước cho biết lãi suất và tỷ giá hối đoái sẽ phụ thuộc vào các đối tác tham gia thị trường trong năm 2011. Như vậy, lãi suất cơ bản và tỷ giá liên ngân hàng có thể tiếp tục tăng cao và tiền đồng Việt Nam có thể phá giá nhưng ổn định hơn trong năm 2011.

| Key Indicators | 2009A | 2010E | 2011E |
|-------------------------------------|--------|--------|--------|
| Tăng trưởng GDP thực | 5.3% | 6.8% | 7.2% |
| Lạm phát | 23.0% | 11.8% | 9.0% |
| Tỷ giá VND/USD (SBV) | 18,500 | 19,498 | 21,500 |
| Dự trữ ngoại hối (USDbn) | 15.2 | 14.0 | 16.0 |
| Xuất khẩu (USDbn) | 56.6 | 71.6 | 78.6 |
| Nhập Khẩu (USDbn) | 68.8 | 84 | 92.6 |
| Thâm hụt cán cân thương mại (USDbn) | 12.2 | 12.4 | 14 |
| Vốn FDI cam kết (USDbn) | 21.48 | 18.6 | 20 |
| Vốn FDI Giải ngân (USDbn) | 10.0 | 11.0 | 12.0 |
| Tăng trưởng (%) | 37.7 | 28.0 | 23.0 |
| Thâm hụt Ngân Sách/GDP (%) | 6.9 | 5.8 | 5.6 |
| Nợ Công/GDP (%) | 52.6 | 56.6 | 57.8 |

Riêng về thị trường chứng khoán, các chỉ số định giá tại Việt Nam có thể chạm đáy với mức gấp 9-10 lần thu nhập thực tế. Nhìn chung, với mức tăng trưởng thu nhập kỳ vọng là 10 - 15% trong năm 2011, chỉ số VN-Index có thể tăng đến ngưỡng 550 trong 6 tháng tới và sau đó có thể tiếp tục tăng trong 6 tháng cuối năm 2011 nếu việc thực hiện chính sách kinh tế thận trọng và ổn định tiền đồng như hiện tại.

Kế hoạch phát triển

Ngày 27 tháng 10 năm 2010, VinaSecurities đã thành công trong việc ký kết thỏa thuận hợp tác toàn diện với Macquarie Capital Securities Limited, một thành viên của tổ chức tài chính toàn cầu, Macquarie Group (Macquarie, ASX: MQG) theo đó cho phép khách hàng của Macquarie tiếp cận vào thị trường tài chính Việt Nam, một trong những thị trường phát triển nhanh nhất của Châu Á và cho phép khách hàng của VinaSecurities tiếp cận các thị trường tài chính toàn cầu hiện tại của Macquarie. Phạm vi ban đầu của thỏa thuận giúp cho khách hàng của Macquarie có thể nhận được các báo cáo nghiên cứu về cổ phiếu tập trung vào thị trường Việt Nam và thực hiện giao dịch cổ phiếu các công ty Việt Nam. Thỏa thuận cũng bao gồm thỏa thuận đối tác độc quyền giữa VinaSecurities và Macquarie về cung cấp các giao dịch trên thị trường vốn, mua bán và sáp nhập và các tư vấn tài chính khác.

Macquarie Group (“Macquarie”) là một nhà cung cấp dịch vụ toàn cầu về dịch vụ ngân hàng, tài chính, tư vấn, đầu tư và quản lý quỹ. Hoạt động kinh doanh chính của Macquarie tập trung vào kiếm lợi nhuận từ cung cấp nhiều loại dịch vụ đa dạng khác nhau cho khách hàng. Macquarie hoạt động như nhà nhận ủy thác của các tổ chức, công ty, và khách hàng cá nhân và đối tác trên khắp toàn cầu. Thành lập vào năm 1969, Macquarie có hơn 14.600 nhân viên ở hơn 70 văn phòng tại 28 nước. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2010, tổng tài sản mà Macquarie quản lý lên tới 326 tỷ AUD.



Chiến lược Tư Vấn Tài Chính

Dựa trên hợp tác độc quyền với Macquarie, VinaSecurities đã điều chỉnh trọng tâm các hoạt động tư vấn tài chính một cách đáng kể trong cuối năm 2010 và đầu năm 2011 theo hướng cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính cho thị trường trong và ngoài nước, tư vấn phát hành nợ quốc tế và phát hành vốn ở nước ngoài. VinaSecurities, với sự hợp tác tích cực từ hệ thống ngân hàng đầu tư quốc tế của Macquarie, cũng bắt đầu xây dựng hoạt động kinh doanh và quan hệ kinh doanh rộng rãi với các tổ chức chính phủ, các tập đoàn kinh tế lớn cũng như là các doanh nghiệp vừa và nhỏ có nhu cầu vốn quốc tế.

Bộ phận Tư Vấn Tài Chính của VinaSecurities trong thời gian gần đây đã thay đổi một cách cơ bản theo cấu trúc quản lý ít cấp bậc hơn, rộng hơn và hướng theo doanh thu với trọng tâm đặt vào 6 mảng chính gồm bất động sản, tài chính và bảo hiểm, hạ tầng cơ sở, công nghiệp, tài nguyên khoáng sản và TMET (điện thoại, truyền thông, giải trí và công nghệ).

Với nhu cầu vốn đầu tư to lớn của các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân để tiếp tục thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế Việt Nam, VinaSecurities hiện đang có lợi thế tốt trong việc hỗ trợ nhu cầu mua bán sáp nhập ngày càng tăng cũng như việc cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính trong những năm sắp tới.

Chiến lược Môi Giới

VinaSecurities hiện đang xây dựng và củng cố vị thế của mình trên thị trường chứng khoán Việt Nam bằng việc hướng đến khách hàng là các tổ chức trong và ngoài nước, nhóm khách hàng mà các công ty môi giới trong nước chưa quan tâm phục vụ tốt, cũng như là các nhà đầu tư cá nhân chuyên nghiệp.

Khách hàng cá nhân trong nước:

Với hệ thống giao dịch hiện đại, phân tích chứng khoán chất lượng hàng đầu, tuân thủ qui trình nội bộ theo chuẩn mực quốc tế và dịch vụ khách hàng chuyên nghiệp, VinaSecurities hướng đến mục đích thu hút và có được quan hệ giao dịch lâu dài với khách hàng chuyên nghiệp nghiêm túc.

Khách hàng nước ngoài:

Nhiều phương thức sẽ được triển khai để khách hàng tiềm năng chú ý đến dịch vụ chất lượng của VinaSecurities như: liên lạc trực tiếp, quảng cáo phát hành rộng rãi, chương trình tiếp thị thông qua dịch vụ mạng, các báo cáo về lĩnh vực chứng khoán, gặp gỡ tiếp cận khách hàng.

Khách hàng công ty có mặt tại Việt Nam:

Nhiều quỹ đã mở tài khoản tại các nhà môi giới mà không có kinh nghiệm thực hiện dịch vụ cho các tổ chức quốc tế. Do vậy, mức độ phục vụ kém và khách hàng không hài lòng. Để tạo thị phần, VinaSecurities sẽ thực hiện dịch vụ cho các khách hàng này một cách thường xuyên bằng cách tạo điều kiện cho khách tiếp cận các báo cáo phân tích chứng khoán, ý tưởng giao dịch và gặp gỡ ban giám đốc công ty.

Khách hàng công ty không có mặt tại Việt Nam:

VinaSecurities nhắm đến các công ty quản lý quỹ điều hành các khoản tiền lớn và có thể hưởng lợi bằng việc tham gia thị trường Việt Nam.

Hướng đến thu hút khách hàng và phát triển hoạt động môi giới, VinaSecurities xúc tiến việc triển khai các dịch vụ tài chính hỗ trợ khách hàng kinh doanh chứng khoán. Đồng thời, cũng là bước tiếp trong quá trình hiện đại hóa công nghệ thông tin, hệ thống giao dịch, VinaSecurities đang xúc tiến làm việc với đối tác để có thể cung cấp giao dịch trực tuyến tích hợp với các trang thông tin tài chính ví dụ như Bloomberg, cũng như cung cấp các dịch vụ chứng khoán trực tuyến qua internet.

Nghiên cứu Phân Tích

Bên cạnh những sản phẩm hiện có, VinaSecurities kế hoạch cung cấp thêm các sản phẩm phân tích như phân tích ngành, phân tích chiến lược đầu tư chuyên sâu và thường xuyên hơn. Đồng thời VinaSecurities tham vọng sẽ cung cấp báo cáo phân tích công ty chuyên sâu cho tất cả các mã chứng khoán nhằm bao quát khoảng 80% vốn hóa của thị trường.



Báo cáo tài chính

Báo cáo kiểm toán

Bảng cân đối kế toán

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Thuyết minh báo cáo tài chính

Báo cáo kiểm toán độc lập

Cho báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số: HCM/11/078

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần chứng khoán Vina

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Chứng khoán Vina (“Công ty”) bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, cùng với tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu và các thuyết minh tương ứng, được trình bày từ trang 6 đến trang 25.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập các báo cáo tài chính

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty tuân thủ theo các chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định pháp lý liên quan. Trách nhiệm này bao gồm: thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu, gian lận hay sai sót, lựa chọn và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp và đưa ra các ước lượng kế toán hợp lý cho từng trường hợp cụ thể.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến độc lập về các báo cáo tài chính này dựa trên cơ sở kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế được chấp nhận tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Cơ Sở ý Kiến

Kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục để thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh được trình bày trên các báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá các rủi ro phát sinh các sai sót trọng yếu trên báo cáo tài chính do gian lận hoặc sai sót. Trong quá trình đánh giá mức độ rủi ro này, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ có phù hợp với việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý của Công ty nhằm thiết lập các thủ tục kiểm toán phù hợp trong từng trường hợp, nhưng kiểm toán viên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính phù hợp của các chính sách kế toán áp dụng, tính hợp lý của các ước tính kế toán thực hiện của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày toàn bộ báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán thu thập là đầy đủ và phù hợp để cung cấp cho việc hình thành ý kiến kiểm toán của chúng tôi. Như được trình bày trong thuyết minh số 3 - Cơ sở lập các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính đính kèm này không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ phù hợp các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở những quốc gia hoặc thể chế ngoài nước CHXHCN Việt Nam.

Ý kiến

Theo ý kiến chúng tôi, các báo cáo tài chính đính kèm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực và hệ thống Kế toán Việt Nam cho các công ty chứng khoán và các qui định pháp lý liên quan.



Melryn George Crowle

Chứng chỉ kiểm toán viên số N0297/KTV
Tổng Giám đốc



Trần Vương Vũ

Chứng chỉ kiểm toán viên số 1210/KTV
Kiểm toán viên

Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 23 MAR 2011

Certified Chartered Accountants and Management Consultants
Member firm within Grant Thornton International Ltd

Công ty Cổ Phần Chứng khoán Vina
Bảng cân đối kế toán

| | Mã số | Thuyết | | 31 tháng 12 năm 2010 | 31 tháng 12 năm 2009 |
|---|------------|--------|--|-----------------------|-----------------------|
| | | minh | | VND | VND |
| Tài sản | | | | | |
| Tài sản ngắn hạn | 100 | | | 67.060.720.140 | 52.225.773.101 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | | 55.203.032.915 | 36.227.754.259 |
| Tiền | 111 | 6 | | 15.203.032.915 | 24.627.754.259 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | 6 | | 40.000.000.000 | 11.600.000.000 |
| Các khoản đầu tư ngắn hạn | 120 | | | 1.620.665.231 | 8.938.082.131 |
| Các khoản đầu tư ngắn hạn | 121 | 7 | | 3.971.661.440 | 8.065.684.707 |
| Đầu tư ngắn hạn khác | 128 | 7 | | - | 6.003.000.000 |
| Dự phòng giảm giá chứng khoán | 129 | 7 | | (2.350.996.209) | (5.130.602.576) |
| Các khoản phải thu | 130 | | | 8.701.226.602 | 6.805.080.044 |
| Các khoản phải thu | 131 | 8 | | 2.067.113.026 | 6.400.141.561 |
| Ứng trước cho người bán | 132 | | | 38.219.519 | 488.021.656 |
| Phải thu từ các bên liên quan | 133 | 27 | | 6.344.863.831 | - |
| Các khoản phải thu khác | 138 | | | 645.065.920 | 132.692.521 |
| Dự phòng nợ phải thu khó đòi | 139 | 8, 9 | | (394.035.694) | (215.775.694) |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | | 1.535.795.392 | 254.856.667 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | | 1.454.147.138 | 137.583.394 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 158 | | | 81.648.254 | 117.273.273 |
| Tài sản dài hạn | 200 | | | 10.980.634.169 | 5.384.445.454 |
| Tài sản cố định | 220 | | | 9.101.092.492 | 3.403.667.132 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 10 | | 3.083.520.106 | 3.176.081.126 |
| - Nguyên giá | 222 | | | 11.815.421.798 | 9.860.562.143 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | | (8.731.901.692) | (6.684.481.017) |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | 11 | | 2.137.011.087 | 227.586.006 |
| - Nguyên giá | 228 | | | 3.717.185.369 | 1.352.061.057 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | | (1.580.174.282) | (1.124.475.051) |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 230 | 12 | | 3.880.561.299 | - |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | | 1.879.541.677 | 1.980.778.322 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 13 | | 328.650.853 | 622.406.389 |
| Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán | 263 | 14 | | 377.571.442 | 196.052.551 |
| Kỳ quỹ dài hạn | 267 | 15 | | 1.173.319.382 | 1.162.319.382 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 250 | | | 78.041.354.309 | 57.610.218.555 |
| Nguồn vốn | | | | | |
| Nợ Phải trả | 300 | | | 19.204.552.555 | 48.332.199.338 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | | 18.746.941.151 | 47.881.248.060 |
| Vay và nợ ngắn hạn | 311 | 16 | | - | 13.007.225.000 |
| Phải trả người bán | 312 | | | 1.418.792.601 | 8.976.093.166 |
| Người mua ứng trước | 313 | | | 187.232.000 | 327.150.801 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | 17 | | 4.557.033.647 | 3.796.611.993 |
| Phải trả nhân viên | 315 | | | 2.531.626.452 | 1.651.063.060 |
| Chi phí phải trả | 316 | 18 | | 1.101.559.381 | 1.792.031.511 |
| Phải trả về hoạt động giao dịch chứng khoán | 320 | | | 7.122.531.203 | 16.462.001.268 |
| Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu | 321 | | | 719.890 | 936.955.772 |
| Phải trả khác | 328 | 19 | | 1.827.445.977 | 932.115.489 |

| | | | | |
|--|------------|--------|-----------------------|------------------|
| Nợ dài hạn | 330 | | 457.611.404 | 450.951.278 |
| Dự phòng trợ cấp thôi việc | 336 | | 457.611.404 | 450.951.278 |
| Nguồn vốn chủ sở hữu | 400 | | 58.836.801.754 | 9.278.019.217 |
| Nguồn vốn | 410 | | 58.836.801.754 | 9.278.019.217 |
| Vốn góp cổ phần | 411 | 20, 21 | 185.000.000.000 | 100.000.000.000 |
| Quỹ dự trữ pháp định và dự phòng tài chính | 419 | 20 | 254.998.000 | 254.998.000 |
| Lỗi lũy kế | 420 | 20 | (126.418.196.246) | (90.976.978.783) |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 78.041.354.309 | 57.610.218.555 |

Tài khoản ngoài bảng

| | Mã số | 31 tháng 12 năm 2010 | 31 tháng 12 năm 2009 |
|---|------------|-----------------------|-----------------------|
| Ngoại tệ các loại (USD) | 005 | 16.704,71 | 7.841,52 |
| Chứng khoán lưu ký | 006 | 55.531.360.000 | 60.964.870.000 |
| Trong đó: | | | |
| Chứng khoán giao dịch | 007 | 54.099.310.000 | 38.444.840.000 |
| - Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký | 008 | 584.920.000 | 603.520.000 |
| - Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước | 009 | 41.480.190.000 | 37.469.810.000 |
| - Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài | 010 | - | - |
| - Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác | 011 | 12.034.200.000 | 371.510.000 |
| Chứng khoán tạm ngừng giao dịch | 012 | 729.500.000 | - |
| - Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước | 014 | 729.500.000 | - |
| Chứng khoán chờ thanh toán | 027 | 611.700.000 | 2.478.800.000 |
| - Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước | 029 | - | 2.478.800.000 |
| - Chứng khoán chờ thanh toán của các tổ chức khác | 031 | 611.700.000 | - |
| Chứng khoán phong tỏa chờ rút | 032 | - | 20.041.230.000 |
| - Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước | 034 | - | 20.041.230.000 |
| Chứng khoán chờ giao dịch | 037 | 90.850.000 | - |
| - Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước | 039 | 90.850.000 | - |

Ngày 23 MAR 2011

Người lập:



Phạm Văn Trung
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lâm Thị Tố Nga
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ Phần Chứng khoán Vina
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

| | Mã số | Thuyết minh | Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 VND | Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 VND |
|--|-----------|-------------|---|---|
| Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán | 01 | 22 | 12.074.446.761 | 9.218.701.117 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán | 01.1 | | 3.678.029.450 | 6.348.208.770 |
| Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán | 01.2 | | 776.442.579 | 189.211.604 |
| Doanh thu hoạt động tư vấn | 01.5 | | 4.712.436.688 | 894.164.694 |
| Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá | 01.7 | | - | 604.265.846 |
| Doanh thu khác | 01.9 | | 2.907.538.044 | 1.182.850.203 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| Doanh thu thuần | 10 | | 12.074.446.761 | 9.218.701.117 |
| Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán | 11 | 23 | (40.717.817.805) | (27.932.978.889) |
| Lỗ gộp | 20 | | (28.643.371.044) | (18.714.277.772) |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | 24 | (26.346.984.943) | (35.448.655.818) |
| Lỗ từ hoạt động kinh doanh | 30 | | (54.990.355.987) | (54.162.933.590) |
| Thu nhập khác | 31 | 25 | 21.611.691.532 | 20.816.239.049 |
| Chi phí khác | 32 | | (2.062.553.008) | - |
| Lỗ trước thuế | 50 | | (35.441.217.463) | (33.346.694.541) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 26 | - | (390.618.800) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| Lỗ thuần | 60 | | (35.441.217.463) | (33.737.313.341) |

Ngày 23 MAR 2011

Người lập:



Phạm Văn Trung
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lâm Thị Tố Nga
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ Phần Chứng khoán Vina
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

| | Mã số | Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ | Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ |
|--|-----------|---|---|
| Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| Lỗ trước thuế | 01 | (35.441.217.463) | (33.346.694.541) |
| <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i> | | | |
| Khấu hao tài sản cố định và hao mòn | 02 | 2.503.119.906 | 2.722.712.659 |
| Giảm các khoản dự phòng | 03 | (2.601.346.367) | (4.110.099.352) |
| Lỗ/(lãi) do đánh giá lại tỷ giá ngoại tệ | 04 | (121.636.466) | 742.692.541 |
| Nợ vay được xóa | | (21.606.521.044) | (7.280.992.430) |
| Chi phí lãi vay | 05 | - | 2.789.082.639 |
| Thu lãi tiền gửi | 06 | (1.841.736.409) | (1.169.845.483) |
| Lỗ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | | | |
| Thay đổi của các khoản phải thu | 09 | 8.474.542.352 | 49.901.712.167 |
| Thay đổi của hàng tồn kho | 10 | - | 9.060.150 |
| Thay đổi của các khoản phải trả | 11 | (8.006.856.489) | 17.785.231.293 |
| Thay đổi của các khoản chi phí trả trước | 12 | (1.022.808.208) | 315.669.843 |
| Trả chi phí lãi vay | 13 | - | (1.175.361.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh | 20 | (59.664.460.188) | 27.183.168.486 |
| Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| Tiền chi để mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang | 21 | (7.714.814.516) | (265.578.697) |
| Thu lãi tiền gửi | 27 | 1.346.891.214 | 1.046.451.262 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (6.367.923.302) | 780.872.565 |
| Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| Thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp | 31 | 85.000.000.000 | - |
| Tiền vay ngắn hạn | 33 | 19.097.500.000 | - |
| Tiền chi trả nợ vay gốc | 34 | (19.097.500.000) | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | 85.000.000.000 | - |
| Lưu chuyển tiền thuần | 50 | 18.967.616.510 | 27.964.041.051 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm | 60 | 36.227.754.259 | 8.263.754.578 |
| Ảnh hưởng đánh giá lại tỷ giá cuối năm | 61 | 7.662.146 | (41.370) |
| Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm | 70 | 55.203.032.915 | 36.227.754.259 |

Ngày 23 MAR 2011

Người lập:



Phạm Văn Trung
Kế toán trưởng



Trần Thị Nga
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ Phần Chứng khoán Vina Thuyết minh báo cáo tài chính

1 Đặc điểm hoạt động của Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina (“Công ty”) được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam vào năm 2006 dưới hình thức công ty cổ phần. Ban đầu có 5 cổ đông sáng lập là Công ty TNHH Đầu tư Kinh Đô (tiền thân là Công ty TNHH Xây dựng và Chế biến Thực phẩm Kinh Đô), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á và 3 nhà đầu tư cá nhân là Bà Trần Thị Hồng Lan, Ông Trần Lê Nguyễn và Bà Nguyễn Thị Xuân Loan. Công ty được thành lập theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0103015219 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 26 tháng 12 năm 2006 và theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 50/UBCK – GPHNKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006.

Theo Quyết định số 236/QĐ- UBCK ngày 14 tháng 4 năm 2010, danh sách cổ đông thay đổi được phê duyệt bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước gồm có VinaCapital Group Limited và Bà Hồ Thị Mỹ Diễm, thay thế Bà Trần Thị Hồng Lan.

Theo Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông số 01/2009/BB/ĐHĐCĐ ngày 6 tháng 2 năm 2009, Công ty rút bớt 2 nghiệp vụ kinh doanh là Tự doanh chứng khoán và Bảo lãnh phát hành chứng khoán. Thay đổi này được chấp thuận bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo Quyết định số 205/UBCK-GP ngày 11 tháng 3 năm 2009. Hiện nay, hoạt động chủ yếu của Công ty bao gồm:

- Môi giới chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán
- Tư vấn tài chính
- Lưu ký chứng khoán

Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 5, Tòa nhà Sun Wah, số 115 đường Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và chi nhánh đặt tại tầng 7, số 60 Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty có 65 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 : 62 nhân viên).

2 Niên độ kế toán và đơn vị tiền tệ

Niên độ kế toán

Năm tài chính của Công ty kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ và chuyển đổi ngoại tệ

Báo cáo tài chính của Công ty được lập sử dụng tiền Đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng tiền tệ khác với đồng tiền báo cáo được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tài sản tiền tệ và công nợ phát sinh bằng đồng tiền khác với đồng tiền báo cáo được quy đổi theo tỷ giá tại ngày lập Bảng cân đối kế toán. Lãi và lỗ chênh lệch tỷ giá và chi phí liên quan đến các nghiệp vụ ngoại tệ được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh.

3 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Cơ sở lập các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp chứng khoán theo quy định tại Thông tư 95/2008/TT-BTC, các qui định pháp lý liên quan của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, mà trên một số khía cạnh trọng yếu có thể khác với Chuẩn mực Kế toán Quốc tế và các nguyên tắc và các chuẩn mực kế toán được chấp nhận rộng rãi tại quốc gia của người đọc. Do đó, các báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ phù hợp với các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở những quốc gia hoặc thể chế ngoài nước CHXHCN Việt Nam, hơn nữa, đối tượng sử dụng báo cáo tài chính của Công ty không nhằm vào những người không được thông tin về các nguyên tắc, quy trình và tập quán kế toán của Việt Nam.

Hệ thống kế toán và hình thức ghi sổ kế toán

Công ty sử dụng phương pháp nhật ký chung để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

4 Các chính sách kế toán cơ bản

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền gồm tài khoản tiền gửi ngân hàng, tiền tại quỹ, cũng như các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao như tiền gửi các tổ chức tín dụng trên thị trường tiền tệ, tiền gửi ngân hàng trong vòng 3 tháng kể từ ngày giao dịch.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị trên hoá đơn trừ đi dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu được dự tính là không thể thu hồi được toàn bộ.

Đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc (giá mua thực tế).

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập cho mỗi loại chứng khoán cụ thể trong danh mục đầu tư và cho các chứng khoán giảm giá so với giá trị ghi sổ. Khi một khoản đầu tư được thanh lý chênh lệch giữa giá trị đầu tư ròng và giá trị ghi sổ được ghi nhận thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Hợp đồng ủy thác đầu giá

Các tài sản và nguồn vốn của các cá nhân, tổ chức là nhà đầu tư ủy thác đầu giá theo các hợp đồng ủy thác đầu giá được ghi nhận và trình bày là tài sản và khoản phải trả cho người ủy thác đầu giá trên Bảng cân đối kế toán.

Hợp đồng mua và cam kết bán lại chứng khoán

Chứng khoán được mua với cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (“Hợp đồng repo”) được ghi nhận là khoản phải thu theo Hợp đồng mua và bán lại chứng khoán trên Bảng cân đối kế toán, chứng khoán nhận được sẽ được quản lý trên tài khoản ngoài Bảng cân đối kế toán. Khoản chênh lệch giữa giá mua và giá bán lại sẽ được ghi nhận như một khoản doanh thu và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian có hiệu lực của hợp đồng, theo tỷ lệ lãi suất hiệu lực.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Tài sản cố định được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản như sau:

| | |
|----------------------------|-----------|
| Cải tạo nâng cấp văn phòng | 1 – 5 năm |
| Thiết bị, nội thất | 1 – 3 năm |
| Thiết bị văn phòng | 1 – 3 năm |
| Phương tiện vận tải | 7 năm |

Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Giá trị của các phần mềm máy tính không phải là bộ phận đi kèm với phần cứng được khấu hao theo phương pháp tuyến tính từ 3 năm đến 5 năm.

Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí bản quyền và triển khai hệ thống giao dịch chứng khoán đang trong quá trình lắp đặt. Khấu hao không được trích trong giai đoạn này mà chỉ được trích khi việc lắp đặt đã hoàn thành, các chi phí liên quan đã được chuyển thành tài sản cố định hữu hình và tài sản đó đã được đưa vào sử dụng.

Chi phí vay

Chi phí vay bao gồm lãi suất và các chi phí liên quan khác và được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi phát sinh.

Chi phí trả trước dài hạn

Tài sản có giá trị thấp

Tài sản có giá trị thấp là những tài sản có giá trị ít hơn 10 triệu đồng và có thời gian hữu dụng dài hơn một niên độ kế toán. Những tài sản này không thỏa mãn các điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của những tài sản có giá trị thấp được phân bổ vào chi phí dựa trên thời gian hữu dụng của tài sản.

Chi phí nghiên cứu thông tin và chi phí bảo hiểm trả trước

Chi phí nghiên cứu thông tin và chi phí bảo hiểm trả trước được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trên cơ sở từ 1 đến 2 năm.

Các khoản phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho khoản phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn của chứng khoán, tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tiền lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngay khi nhận được thông báo trả cổ tức.

Các quỹ dự phòng

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ dự phòng theo quy định tại Thông tư số 11/2000/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2000 như sau:

| | Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế | Mức trích lập tối đa |
|--------------------------------|-------------------------------------|----------------------|
| Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | 5% | 10% vốn điều lệ |
| Quỹ dự trữ bắt buộc | 5% | 10% vốn điều lệ |

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Trong kỳ, Công ty không trích lập thêm quỹ dự trữ do phát sinh lỗ từ hoạt động kinh doanh.

Chi phí thuê hoạt động (Các hợp đồng thuê)

Thuê hoạt động là việc thuê tài sản trong đó tất cả các quyền lợi và rủi ro của quyền sở hữu tài sản vẫn thuộc về bên cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Dự phòng

Dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra mà chắc chắn dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính đáng tin cậy.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tài sản thuế và nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành bao gồm các tài sản hoặc nghĩa vụ thuế đối với cơ quan thuế liên quan đến giai đoạn báo cáo hiện tại và các giai đoạn trước mà vẫn chưa thanh toán tại ngày cuối giai đoạn báo cáo. Nghĩa vụ về thuế thu nhập hiện hành được tính trên cơ sở thuế suất và quy định về thuế áp dụng cho giai đoạn báo cáo dựa trên mức lợi nhuận chịu thuế trong năm. Toàn bộ thay đổi về nghĩa vụ hay tài sản thuế hiện tại được ghi nhận là chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên các khoản chênh lệch tạm thời. Phương pháp này so sánh giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ trên Bảng cân đối kế toán với các cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản tài sản và công nợ đó. Đồng thời, khoản lỗ thuế có thể dùng để chuyển lỗ và thu nhập khác về thuế của Công ty cũng được ghi nhận là tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả luôn được ghi nhận đầy đủ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để cân trừ vào các tài sản thuế thu nhập hoãn lại này.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được tính tại mức thuế được áp dụng từng kỳ tính thuế theo như quy định tại ngày kết thúc năm tài chính. Toàn bộ thay đổi về tài sản hoặc nợ thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Những thay đổi về tài sản hoặc nợ thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại do thay đổi về giá trị của tài sản hoặc nợ được ghi nhận trực tiếp vào nguồn vốn thì được ghi nhận trực tiếp bên nguồn vốn.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan khi một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan khi cùng dưới một quyền kiểm soát hoặc ảnh hưởng.

5 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, được bao gồm trong các báo cáo tài chính phục vụ cho mục đích so sánh, đã được phân loại lại cho phù hợp với các qui định về trình bày báo cáo tài chính của năm hiện hành. Việc phân loại này không ảnh hưởng đến giá trị ròng tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động trong năm của Công ty.

6 Tiền và các khoản tương đương tiền

| | 31 tháng 12 năm 2010 | 31 tháng 12 năm 2009 |
|---|-----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 34.661.353 | 470.289.683 |
| Tiền gửi ngân hàng | 15.168.371.562 | 24.157.464.576 |
| Tiền gửi ngân hàng | 7.717.868.025 | 6.478.368.638 |
| Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán | 2.067.751.070 | 9.037.123.748 |
| Tiền gửi về bán chứng khoán phát hành | - | 883.255.171 |
| Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán | 5.382.752.467 | 7.758.717.019 |
| Các khoản tương đương tiền | 40.000.000.000 | 11.600.000.000 |
| Tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng dưới 3 tháng | 40.000.000.000 | 11.600.000.000 |
| | 55.203.032.915 | 36.227.754.259 |

7 Đầu tư ngắn hạn

| | 31 tháng 12 năm 2010 | 31 tháng 12 năm 2009 |
|---|------------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Đầu tư ngắn hạn | | |
| Chứng khoán chưa niêm yết (OTC) | - | 5.120.000.000 |
| Chứng khoán niêm yết | 3.971.661.440 | 2.945.684.707 |
| | 3.971.661.440 | 8.065.684.707 |
| Đầu tư ngắn hạn khác | | |
| Chứng khoán niêm yết | - | 6.003.000.000 |
| Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư ngắn hạn | | |
| Dự phòng giảm giá chứng khoán ngắn hạn | (2.350.996.209) | (3.216.602.576) |
| Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn khác | - | (1.914.000.000) |
| | (2.350.996.209) | (5.130.602.576) |
| | 1.620.665.231 | 8.938.082.131 |

Dự phòng đầu tư

| | 31 tháng 12 năm 2010 | 31 tháng 12 năm 2009 |
|-----------------------------|------------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Số dư đầu năm | 5.130.602.576 | 9.456.477.622 |
| Số hoàn nhập trong năm | (3.180.632.843) | (7.929.835.163) |
| Số trích lập thêm trong năm | 401.026.476 | 3.603.960.117 |
| Số dư cuối năm | 2.350.996.209 | 5.130.602.576 |

Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm:

| | 31 tháng 12 năm 2010 | | 31 tháng 12 năm 2009 | |
|---------------------------------------|-------------------------|------------------------------|-------------------------|------------------------------|
| | Khối lượng giao dịch | Giá trị giao dịch VND'000 | Khối lượng giao dịch | Giá trị giao dịch VND'000 |
| Đầu tư của công ty chứng khoán | 705.400 | 6.608.143 | 410.626 | 23.974.914 |
| Cổ phiếu | 705.400 | 16.608.143 | 410.626 | 23.974.914 |
| Trái phiếu | - | - | - | - |
| Chứng khoán khác | - | - | - | - |
| Giao dịch của nhà đầu tư (*) | 62.628.906 | 2.250.631.647 | 81.681.498 | 3.371.523.207 |
| Cổ phiếu | 59.040.506 | 1.929.505.541 | 78.683.198 | 3.246.877.236 |
| Trái phiếu | 3.070.000 | 315.532.260 | 950.000 | 98.136.000 |
| Chứng khoán khác | 518.400 | 5.593.846 | 2.048.300 | 26.509.971 |
| | 63.334.306 | 2.267.239.790 | 82.092.124 | 3.395.498.121 |

| | Số lượng | | Giá trị sổ sách | | Chênh lệch so với giá thị trường | | | | Tổng giá trị thị trường | |
|--|----------------------|----------------------|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | Năm kết thúc ngày | Năm kết thúc ngày | Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 | Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 | Tăng | | Giảm | | Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 VND | Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 VND |
| | 31 tháng 12 năm 2010 | 31 tháng 12 năm 2009 | | | Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 | Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 | Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 | Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 | | |
| | Cổ phiếu | Cổ phiếu | VND | VND | | | | | | |
| I. Chứng khoán thương mại | 58.491 | 240.351 | 3.971.661.440 | 8.065.684.707 | - | - | (2.350.996.209) | (3.216.602.576) | 1.620.665.231 | 4.849.082.131 |
| Cổ phiếu | 58.491 | 240.351 | 3.971.661.440 | 8.065.684.707 | - | - | (2.350.996.209) | (3.216.602.576) | 1.620.665.231 | 4.849.082.131 |
| Trái phiếu | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| Chứng chỉ quỹ | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| Chứng khoán khác | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| II. Chứng khoán đầu tư | - | 290.000 | - | 6.003.000.000 | - | - | - | (1.914.000.000) | - | 4.089.000.000 |
| 1. Chứng khoán sẵn sàng để bán | - | 290.000 | - | 6.003.000.000 | - | - | - | (1.914.000.000) | - | 4.089.000.000 |
| Cổ phiếu | - | 290.000 | - | 6.003.000.000 | - | - | - | (1.914.000.000) | - | 4.089.000.000 |
| Trái phiếu Chính phủ | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| Trái phiếu Công ty | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| Chứng chỉ quỹ | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| Chứng khoán khác | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| 2. Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| Trái phiếu Chính phủ | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| Trái phiếu Công ty | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| Chứng chỉ quỹ | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| Chứng khoán khác | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| | 58.491 | 530.351 | 3.971.661.440 | 14.068.684.707 | - | - | (2.350.996.209) | (5.130.602.576) | 1.620.665.231 | 8.938.082.131 |

8 Tài khoản phải thu

| | 31 tháng 12 năm 2010 VND | 31 tháng 12 năm 2009 VND |
|-------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Phải thu | | |
| Phải thu nhà đầu tư | 220.798.631 | 240.739.030 |
| Phải thu từ khách hàng khác | 1.846.314.395 | 6.159.402.531 |
| | 2.067.113.026 | 6.400.141.561 |
| Dự phòng nợ phải thu khó đòi | (394.035.694) | (215.775.694) |
| | 1.673.077.332 | 6.184.365.867 |

9 Dự phòng phải thu khó đòi

| | 31 tháng 12 năm 2010 VND | 31 tháng 12 năm 2009 VND |
|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Số dư đầu năm | 215.775.694 | - |
| Số hoàn nhập trong năm | - | (1.894.651.000) |
| Số trích lập thêm trong năm | 178.260.000 | 2.110.426.694 |
| Số dư cuối năm | 394.035.694 | 215.775.694 |

10 Tài sản cố định hữu hình

| | Cải tạo nâng cấp văn phòng VND | Thiết bị, nội thất VND | Thiết bị văn phòng VND | Phương tiện vận tải VND | Tổng cộng VND |
|---------------------------|--------------------------------|------------------------|------------------------|-------------------------|-----------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Ngày 1 tháng 1 năm 2010 | 3.213.803.469 | 792.606.547 | 4.706.343.833 | 1.147.808.294 | 9.860.562.143 |
| Mua thêm | - | 270.311.200 | 1.684.548.455 | - | 1.954.859.655 |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2010 | 3.213.803.469 | 1.062.917.747 | 6.390.892.288 | 1.147.808.294 | 11.815.421.798 |
| Đã khấu hao hết | 1.482.745.019 | 792.606.547 | 4.012.644.839 | - | 6.287.996.405 |
| Khấu hao lũy kế | | | | | |
| Ngày 1 tháng 1 năm 2010 | (2.142.896.720) | (763.206.547) | (3.455.848.137) | (322.529.613) | (6.684.481.017) |
| Khấu hao trong năm | (501.067.733) | (74.451.867) | (1.307.926.311) | (163.974.764) | (2.047.420.675) |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2010 | (2.643.964.453) | (837.658.414) | (4.763.774.448) | (486.504.377) | (8.731.901.692) |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Ngày 1 tháng 1 năm 2010 | 1.070.906.749 | 29.400.000 | 1.250.495.696 | 825.278.681 | 3.176.081.126 |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2010 | 569.839.016 | 225.259.333 | 1.627.117.840 | 661.303.917 | 3.083.520.106 |

11 Tài sản cố định vô hình

| | Phần mềm máy tính VND |
|---------------------------|--------------------------|
| Nguyên giá | |
| Ngày 1 tháng 1 năm 2010 | 1.352.061.057 |
| Mua thêm | 2.365.124.312 |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2010 | 3.717.185.369 |
| Đã khấu hao hết | 1.111.735.057 |
| Khấu hao lũy kế | |
| Ngày 1 tháng 1 năm 2010 | (1.124.475.051) |
| Khấu hao trong năm | (455.699.231) |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2010 | (1.580.174.282) |
| Giá trị còn lại | |
| Ngày 1 tháng 1 năm 2010 | 227.586.006 |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2010 | 2.137.011.087 |

12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 VND | Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 VND |
|--|--|--|
| Đầu năm | - | - |
| Tăng trong năm | 3.880.561.299 | - |
| Cuối năm | 3.880.561.299 | - |
| Bao gồm: | | |
| Chi phí của hệ thống TTL | 3.763.681.299 | - |
| <i>Chi phí xây dựng hệ thống website</i> | <i>116.880.000</i> | - |
| | 3.880.561.299 | - |

13 Chi phí trả trước dài hạn

| | Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 VND | Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 VND |
|---------------------------|--|--|
| Đầu năm | 622.406.389 | 965.132.957 |
| Mua mới | 810.340.304 | 605.498.413 |
| Phân bổ chi phí trong năm | (1.104.095.840) | (948.224.981) |
| Cuối năm | 328.650.853 | 622.406.389 |

14 Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

| | Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 VND | Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 VND |
|----------------------|--|--|
| Số dư đầu năm | 196.052.551 | 123.712.001 |
| Tiền nộp bổ sung | 208.317.682 | 72.340.550 |
| Giảm trong năm | (26.798.791) | - |
| Số dư cuối năm | 377.571.442 | 196.052.551 |

15 Ký quỹ dài hạn

| | 31 tháng 12 năm 2010 VND | 31 tháng 12 năm 2009 VND |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Đặt cọc tiền thuê văn phòng (*) | 1.157.319.382 | 1.157.319.382 |
| Ký quỹ dài hạn khác | 16.000.000 | 5.000.000 |
| | 1.173.319.382 | 1.162.319.382 |

16 Vay và nợ ngắn hạn

| | Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ | Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ |
|---|--|--|
| Số dư đầu năm | 13.007.225.000 | 13.458.637.465 |
| Nợ được xóa bởi một cổ đông sáng lập | - | (1.150.312.465) |
| Nợ được xóa bởi VinaCapital Group Limited (Thuyết minh số 25) | (13.007.225.000) | - |
| Vay trong năm | 19.060.000.000 | - |
| Trả nợ vay gốc | (18.822.000.000) | - |
| Đánh giá lại các khoản vay bằng ngoại tệ | (238.000.000) | 698.900.000 |
| Số dư cuối năm | - | 13.007.225.000 |

Khoản vay ngắn hạn từ VinaCapital Investment Management Ltd ("VinaCapital") ("bên cho vay") tương đương USD725.000 với kỳ hạn thanh toán ban đầu là 30 ngày kể từ ngày chuyển tiền 19 tháng 9 năm 2008. Khoản vay này chịu mức lãi suất là 8%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất thông thường. Căn cứ theo hợp đồng vay, Công ty đồng ý cầm cố, thế chấp cho bên cho vay toàn bộ chứng khoán, tiền, các khoản phải thu và các tài sản phát sinh từ hoạt động tự doanh của Công ty và các khoản tiền lãi mà Công ty thu được từ hợp đồng mua với cam kết sẽ bán lại (repo) của Công ty. Tại ngày 20 tháng 1 năm 2010, VinaCapital Group Limited, cổ đông của Công ty và là Công ty mẹ của VinaCapital, đã xóa nợ lãi quá hạn, tiền vay và tiền lãi vay.

Vay trong năm là hai khoản vay khác từ VinaCapital tương đương USD500.000 mỗi khoản và có thời gian đáo hạn trong vòng 12 tháng kể từ ngày chuyển tiền vào lần lượt là 20 tháng 5 năm 2010 và 10 tháng 8 năm 2010. Các khoản vay này không chịu lãi suất và không có đảm bảo. Lãi suất quá hạn bằng 8% tính trên tổng số tiền đã giải ngân. Tại ngày báo cáo, hai khoản vay này đã được tất toán hết.

17 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ | 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Thuế GTGT | 1.969.621.836 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhân viên | 2.367.675.389 | 3.697.471.073 |
| Thuế nộp hộ cho khách hàng cá nhân | 17.567.996 | - |
| Thuế nộp hộ cho khách hàng tổ chức | 141.539.581 | - |
| Thuế nhà thầu nộp hộ nhà cung cấp | 46.767.590 | - |
| Thuế khác | 13.861.255 | 99.140.920 |
| | 4.557.033.647 | 3.796.611.993 |

18 Chi phí phải trả

| | 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ | 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí lãi vay phải trả | - | 1.393.316.598 |
| Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp phải trả | 364.650.000 | 147.832.000 |
| Chi phí ngày nghỉ phép chưa dùng hết của nhân viên | 422.388.384 | - |
| Chi phí phải trả khác | 314.520.997 | 250.882.913 |
| | 1.101.559.381 | 1.792.031.511 |

19 Phải trả, phải nộp khác

| | 31 tháng 12 năm 2010 VNĐ | 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| Bảo hiểm xã hội bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và quỹ công đoàn | 618.825.977 | 611.115.489 |
| Phải trả cho VOF Investment Ltd (Thuyết minh 27) | 887.520.000 | - |
| Phải trả khác | 321.100.000 | 321.000.000 |
| | 1.827.445.977 | 932.115.489 |

20 Vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp cổ phần | Lỗ lũy kế | Quỹ dự trữ pháp định và dự phòng tài chính | Tổng cộng |
|------------------------|------------------------|-------------------|---|-------------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| 1 tháng 1 năm 2009 | 100.000.000.000 | (57.239.665.442) | 254.998.000 | 43.015.332.558 |
| Lỗ kỳ trước | - | (33.737.313.341) | - | (33.737.313.341) |
| 31 tháng 12 năm 2009 | 100.000.000.000 | (90.976.978.783) | 254.998.000 | 9.278.019.217 |
| 1 tháng 1 năm 2010 | 100.000.000.000 | (90.976.978.783) | 254.998.000 | 9.278.019.217 |
| Phát hành cổ phiếu mới | 85.000.000.000 | - | - | 85.000.000.000 |
| Lỗ trong kỳ | - | (35.441.217.463) | - | (35.441.217.463) |
| 31 tháng 12 năm 2010 | 185.000.000.000 | (126.418.196.246) | 254.998.000 | 58.836.801.754 |

21 Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Công ty là 185 tỷ đồng chia thành 18,5 triệu cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng một cổ phiếu đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận theo Quyết định số 360/UBCK-GP ngày 19 tháng 11 năm 2010. Chi tiết cổ phiếu phát hành được trình bày như sau:

| | 31 tháng 12 năm 2010 | | 31 tháng 12 năm 2009 | |
|------------------------------------|-----------------------------|------------------------|-----------------------------|-----------------|
| | Số lượng cổ phiếu | VND | Số lượng cổ phiếu | VND |
| Phê chuẩn: | | | | |
| Cổ phiếu thường | 18.500.000 | 185.000.000.000 | 10.000.000 | 100.000.000.000 |
| | 18.500.000 | 185.000.000.000 | 10.000.000 | 100.000.000.000 |
| Đã phát hành và thanh toán: | | | | |
| Ngày 1 tháng 1 năm 2010 | 10.000.000 | 100.000.000.000 | 10.000.000 | 100.000.000.000 |
| Phát hành cổ phiếu mới | 8.500.000 | 85.000.000.000 | - | - |
| Ngày 30 tháng 12 năm 2010 | 18.500.000 | 185.000.000.000 | 10.000.000 | 100.000.000.000 |

Trong năm, Công ty đã phát hành thêm 8.500.000 cổ phiếu theo mệnh giá cho VinaCapital Group Limited và Bà Hồ Thị Mỹ Diễm theo biên bản họp của Hội đồng quản trị số 02/2010/BB-HDQT ngày 23 tháng 8 năm 2010. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Ông Trần Lệ Nguyên và Công ty TNHH Đầu tư Kinh Đô (tiền thân là Công ty TNHH Xây dựng và Chế biến Thực phẩm Kinh Đô) đã chuyển nhượng lần lượt 795.500 cổ phần và 4.500 cổ phần trong Công ty cho Bà Hồ Thị Mỹ Diễm. Danh sách các cổ đông mới tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 được phê duyệt chi tiết như sau:

| | 31 tháng 12 năm 2010 | | | 31 tháng 12 năm 2009 | | |
|--|-----------------------------|------------------------|---------------|-----------------------------|------------------------|---------------|
| | Số lượng Cổ phiếu | Vốn pháp định | | Số lượng Cổ phiếu | Vốn pháp định | |
| | | Số tiền VND'000 | % | | Số tiền VND'000 | % |
| Công ty TNHH Đầu tư Kinh Đô (tiền thân là Công ty TNHH Xây dựng và Chế biến Thực phẩm Kinh Đô) | - | - | - | 4.500 | 45.000.000 | 0,05 |
| VinaCapital Group Limited | 9.065.000 | 90.650.000.000 | 49,00 | 4.900.000 | 49.000.000.000 | 49,00 |
| Ông Trần Lệ Nguyên | 3.700.000 | 37.000.000.000 | 20,00 | 4.495.500 | 44.955.000.000 | 44,95 |
| Bà Hồ Thị Mỹ Diễm | 5.735.000 | 57.350.000.000 | 31,00 | 600.000 | 6.000.000.000 | 6,00 |
| | 18.500.000 | 185.000.000.000 | 100,00 | 10.000.000 | 100.000.000.000 | 100,00 |

22 Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

| | Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 VND | Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 VND |
|---|--|--|
| Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán | 3.678.029.450 | 6.348.208.770 |
| Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán | 776.442.579 | 189.211.604 |
| Doanh thu hoạt động tư vấn | 4.712.436.688 | 894.164.694 |
| Tư vấn tài chính | 3.957.961.688 | 894.164.694 |
| Tư vấn đầu tư chứng khoán | 754.475.000 | - |
| Doanh thu hoạt động REPO | - | 604.265.846 |
| Doanh thu khác | 2.907.538.044 | 1.182.850.203 |
| | 12.074.446.761 | 9.218.701.117 |

23 Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán

| | Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 VND | Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 VND |
|--|--|--|
| Chi phí cho hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán | 1.499.465.560 | 1.500.063.366 |
| Chi phí cho hoạt động đầu tư chứng khoán | 11.041.328.415 | 3.777.556.113 |
| Chi phí cho hoạt động REPO | - | 9.667.699.589 |
| Chi phí cho hoạt động tư vấn, bảo lãnh phát hành chứng khoán | 942.118.233 | 103.094.026 |
| Chi phí dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán | 15.280.000 | 998.886.000 |
| Chi phí lãi vay | - | 2.789.082.639 |
| Chi phí dịch vụ phân tích | 196.230.572 | 37.247.906 |
| Chi phí dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn | 398.216.476 | (4.325.875.046) |
| Chi phí trực tiếp cho hoạt động kinh doanh chứng khoán | 26.625.178.549 | 13.385.224.296 |
| Chi phí nhân công | 22.197.277.042 | 10.116.044.927 |
| Khấu hao và chi phí dài hạn | 320.034.507 | 1.009.186.277 |
| <i>Các dịch vụ thuê ngoài</i> | <i>2.942.417.567</i> | <i>1.165.199.450</i> |
| Đánh giá lại ngoại tệ | 817.814.922 | 742.701.358 |
| <i>Chi phí khác</i> | <i>347.634.511</i> | <i>352.092.284</i> |
| | 40.717.817.805 | 27.932.978.889 |

24 Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 VND | Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 VND |
|--------------------------------------|--|--|
| Chi phí nhân công | 9.068.581.658 | 4.064.067.373 |
| Dụng cụ văn phòng | 952.591.451 | 707.892.717 |
| Khấu hao | 2.183.083.250 | 1.713.526.929 |
| Chi phí thuê văn phòng | 6.671.962.968 | 6.599.277.980 |
| Chi phí dự phòng cho công nợ khó đòi | 178.260.000 | 215.775.694 |
| Các dịch vụ thuê ngoài | 2.376.278.714 | 20.229.628.080 |
| Chi phí khác | 4.916.226.902 | 1.918.487.045 |
| | 26.346.984.943 | 35.448.655.818 |

25 Thu nhập khác

| | Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 VND | Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 VND |
|--|--|--|
| Lãi vay phải trả được xóa bởi cổ đông sáng lập | - | 4.662.581.751 |
| Nợ vay và nợ phải trả khác được miễn bởi cổ đông | - | 2.618.410.679 |
| Nợ vay được miễn bởi VinaCapital Group Limited (Thuyết minh số 16) | 13.007.225.000 | - |
| Nợ phải trả khác được miễn bởi VinaCapital Group Limited | 7.205.979.446 | 13.535.246.619 |
| Tiền lãi phải trả được miễn bởi VinaCapital Group Limited | 1.393.316.598 | - |
| Doanh thu khác | 5.170.488 | - |
| | 21.611.691.532 | 20.816.239.049 |

26 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% trên tổng thu nhập chịu thuế hàng năm. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm đầu tiên hoạt động có lãi và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho 3 năm tiếp theo.

Điều chỉnh giữa các khoản lãi/(lỗ) trước thuế và lãi/(lỗ) chịu thuế như sau :

| | Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 VND | Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 VND |
|---|--|--|
| Lỗ trước thuế | (35.441.217.463) | (33.346.694.541) |
| Điều chỉnh: | | |
| Chi phí dự phòng cho nợ xấu | 178.260.000 | 215.775.694 |
| Chi phí phải trả | (690.472.130) | 1.104.573.265 |
| Chi phí không chịu thuế ước tính | - | 491.228.651 |
| Lỗ được khấu trừ thuế trong năm | (35.953.429.593) | (31.535.116.931) |
| Lỗ kết chuyển từ những năm trước | (90.472.875.320) | (58.937.758.389) |
| Tổng lỗ kết chuyển | (126.426.304.913) | (90.472.875.320) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm | - | - |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm 2007 phải nộp thêm | - | 390.618.800 |
| Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm | - | 390.618.800 |

Các khoản lỗ thuế có thể chuyển sang kỳ sau để bù cho thu nhập chịu thuế của năm sau trong vòng năm năm từ năm khoản lỗ này phát sinh. Giá trị thực tế của các khoản lỗ lũy kế có thể mang sang tùy thuộc vào kết quả của kiểm toán thuế được thực hiện bởi cơ quan thuế địa phương.

| | Quyết toán thuế | Lỗ VND |
|--|-----------------|------------------------|
| Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 | Chưa quyết toán | 58.937.758.389 |
| Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 | Chưa quyết toán | 31.535.116.931 |
| Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 | Chưa quyết toán | 35.953.429.593 |
| | | 126.426.304.913 |

Tài sản thuế hoãn lại không được ghi nhận trên báo cáo tài chính kèm theo cho khoản lỗ trên vì Công ty không chắc chắn sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng khoản lỗ trên trong tương lai.

27 Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, Công ty có các giao dịch với bên liên quan như sau:

| Bên liên quan | Quan hệ | Giao dịch | VND |
|---|------------------------------|---|--|
| VinaCapital Group Limited | Cổ đồng | Góp vốn trong năm Xóa nợ vay, tiền lãi vay và các khoản nợ phải trả khác (Thuyết minh số 25) | 41.650.000.000 21.606.521.044 |
| Bà Hồ Thị Mỹ Diễm | Cổ đồng | Góp vốn trong năm | 43.350.000.000 |
| VinaCapital Corporate Finance Vietnam Co., Ltd. | Đồng cổ đồng | Doanh thu từ cung cấp thông tin chứng khoán chưa niêm yết | 96.000.000 |
| VinaCapital Investment Management Ltd. | Đồng cổ đồng | Nhận khoản vay ngắn hạn Trả nợ vay gốc | 19.060.500.000 (18.822.000.000) |
| VOF Investment Limited | Bên liên quan đồng kiểm soát | Thanh toán cho việc mua và bán cổ phiếu | 10.330.880.000 |
| Asia Investment and Finance Ltd. | Đồng cổ đồng | Phí môi giới chứng khoán | 506.590.394 |
| Onshine Investment Ltd. | Bên liên quan đồng kiểm soát | Doanh thu tư vấn Chi phí khác | 1.093.213.636 28.512.273 |
| Vietnam Infrastructure Holding LTđ. | Bên liên quan đồng kiểm soát | Phí môi giới chứng khoán | 512.135.719 |
| Vietnam Investment Property Holding Ltd | Bên liên quan đồng kiểm soát | Phí môi giới chứng khoán | 350.082.240 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, số dư các bên liên quan như sau:

| Biên liên quan | Quan hệ | Phải thu VND |
|--|--------------|-----------------|
| VinaCapital Corporate Finance Vietnam Co., Ltd. | Đồng cổ đông | 8.000.000 |
| VinaCapital Group Limited | Cổ đông | 6.336.863.831 |

28 Thù lao Hội đồng quản trị và Ban giám đốc

Thành viên Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý chính khác được nhận tổng số thu nhập trong năm như sau:

| | Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 | Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 |
|--------|---|---|
| | VND | VND |
| Lương | 3.987.229.760 | 2.557.894.508 |
| Thưởng | 322.052.150 | 283.893.000 |
| | 4.309.281.910 | 2.841.787.508 |

29 Cam kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty có cam kết theo hợp đồng thuê văn phòng không hủy ngang với số tiền như sau:

| | Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 | Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 |
|------------------------|---|---|
| | VND | VND |
| Trong năm tiếp theo | 6.424.110.420 | 4.154.426.931 |
| Trong vòng 2 đến 5 năm | 9.434.963.371 | 1.531.371.996 |
| | 15.859.073.791 | 5.685.798.927 |

30 Phê duyệt các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính đã được thông qua bởi Ban Giám đốc vào ngày 23 MAR 2011.

Người lập:



Phạm Văn Trung
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lâm Thị Tố Nga
Tổng Giám đốc

Tổ chức và nhân sự

Cơ cấu tổ chức của VinaSecurities

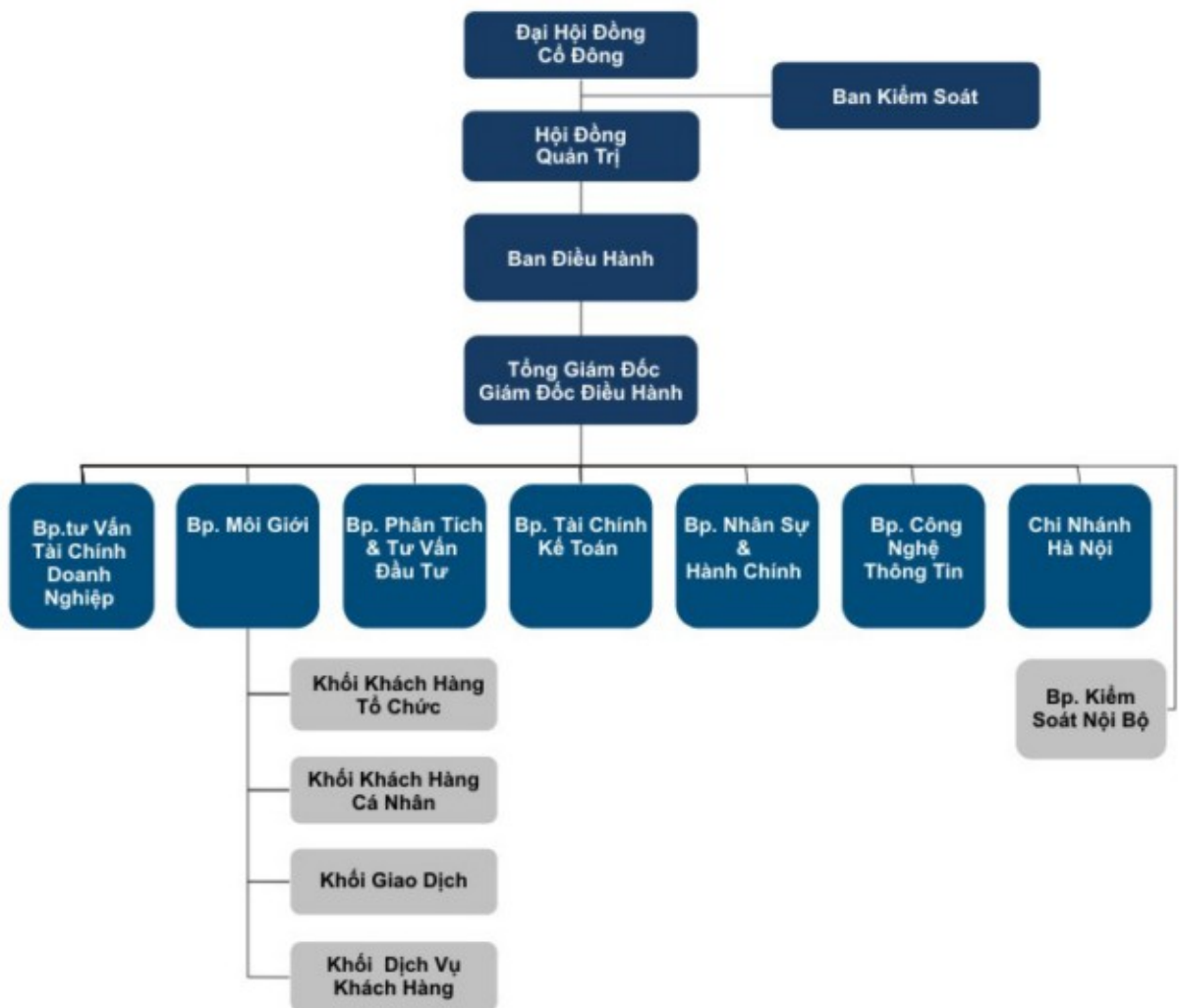
Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Ban Giám Đốc và các nhân sự chủ chốt

Tổ chức nhân sự

Cơ cấu tổ chức của VinaSecurities



Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất tại VinaSecurities, có toàn quyền nhân danh VinaSecurities để quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của VinaSecurities mà không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Trong năm có sự thay đổi thành viên Hội đồng quản trị theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 03/2010/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08 tháng 12 năm 2010 theo đó Ông George Lam, Chủ tịch Macquarie Hong Kông và Việt Nam, Cố vấn cao cấp khu vực Châu Á, trở thành Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

Cơ cấu và thành viên Hội đồng quản trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

| Tên | Chức vụ | Bổ nhiệm | Miễn nhiệm |
|----------------------------|------------|----------------------|----------------------|
| Hunt Gia Macnguyen | Chủ tịch | 1 tháng 7 năm 2009 | 16 tháng 12 năm 2010 |
| Lee George Lam | Chủ tịch | 16 tháng 12 năm 2010 | - |
| Hunt Gia Macnguyen | Thành viên | 16 tháng 12 năm 2010 | - |
| Don Di Lam | Thành viên | 1 tháng 7 năm 2009 | 16 tháng 12 năm 2010 |
| Horst Joachim Franz Geicke | Thành viên | 17 tháng 7 năm 2009 | - |
| Brook Colin Taylor | Thành viên | 16 tháng 12 năm 2010 | - |
| Adrian Francis Cundy | Thành viên | 16 tháng 12 năm 2010 | - |

Bao gồm trong cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị có ba thành viên là thành viên độc lập, không kiêm nhiệm các chức danh điều hành trong VinaSecurities.

Thông qua các cuộc họp Hội đồng quản trị đã được tổ chức trong năm, Hội đồng quản trị đã đưa ra nhiều quyết định nhằm thực hiện kế hoạch phát triển trung và dài hạn của VinaSecurities và đưa chỉ đạo kịp thời về các nội dung chủ yếu sau:

- Thông qua báo cáo kết quả kinh doanh. Thông qua các đề xuất bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh quản lý.
- Thông qua phương án tăng vốn điều lệ và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành.
- Thông qua việc bổ sung nghiệp vụ kinh doanh của Công ty, thêm nghiệp vụ Tự doanh chứng khoán. Thống nhất chủ trương về việc sửa đổi Điều lệ Công ty để phản ánh các thay đổi về vốn và nghiệp vụ kinh doanh.
- Thông qua việc ký kết thỏa thuận hợp tác giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina, Macquarie Capital Limited, VinaCapital Group Ltd và ông Trần Lê Nguyên. Thông qua các kế hoạch, chiến lược kinh doanh khác của Công ty.

Trong năm 2010, VinaSecurities không chi trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị.

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của VinaSecurities bao gồm ba thành viên theo quy định của Điều lệ VinaSecurities. Trong năm có sự thay đổi thành viên Ban Kiểm Soát theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 03/2010/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08 tháng 12 năm 2010 như sau:

| Tên | Chức vụ | Bổ nhiệm | Miễn nhiệm |
|---------------------------|------------|----------------------|----------------------|
| Brook Colin Taylor | Trưởng ban | 1 tháng 7 năm 2009 | 16 tháng 12 năm 2010 |
| Thao Hoang Cung | Trưởng ban | 16 tháng 12 năm 2010 | - |
| Hannes John Yrjö Valtonen | Thành viên | 1 tháng 7 năm 2009 | 16 tháng 12 năm 2010 |
| Hồ Thị Mỹ Diễm | Thành viên | 1 tháng 7 năm 2009 | - |
| John Vũ Nguyễn | Thành viên | 16 tháng 12 năm 2010 | - |

Các thành viên Ban kiểm soát đều là thành viên độc lập, không kiêm nhiệm bất kỳ chức danh điều hành nào tại VinaSecurities. Ban Kiểm soát hoàn toàn độc lập và không bị ảnh hưởng bởi Hội đồng quản trị hoặc / và Ban điều hành.

Trong năm 2010, VinaSecurities không chi trả thù lao cho các thành viên của Ban Kiểm soát.

- Hoạt động của Ban kiểm soát:
- Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành VinaSecurities; chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm, hàng quý và sáu tháng của VinaSecurities, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị cho Đại hội đồng cổ đông;
- Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của VinaSecurities, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của VinaSecurities bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 79 của Luật Doanh nghiệp;
- Ban kiểm soát của VinaSecurities đã theo dõi trực tiếp sát sao hoạt động VinaSecurities thông qua các buổi làm việc trực tiếp tại VinaSecurities và họp cùng Hội đồng quản trị Công ty định kỳ

Ban Giám Đốc và các nhân sự chủ chốt

Ban Giám Đốc của VinaSecurities gồm có các thành viên sau:

| | | |
|--------------------|--------------------|----------------------------------|
| Lâm Thị Tố Nga | Tổng Giám đốc | bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2009 |
| Hunt Gia Macnguyen | Giám đốc điều hành | bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2009 |

1. Bà Lâm Thị Tố Nga, sinh năm 1976, quốc tịch Việt Nam, có gần 10 năm kinh nghiệm trong vai trò kiểm toán viên tại công ty Arthur Andersen và KPMG, cung cấp dịch vụ cho nhiều công ty đa quốc gia và trong nước thuộc nhiều lĩnh vực.

Trước khi gia nhập Công ty, Bà Nga là Giám Đốc Tài Chính tại CTCP Chứng Khoán Hoa Sen Vàng. Nga tốt nghiệp Cử Nhân Kế Toán và Kiểm Toán tại Đại Học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh và Thạc Sĩ Quản Trị Kinh Doanh về Tài Chính Doanh Nghiệp.

Bà Nga còn là thành viên Hiệp Hội Kiểm Toán Viên Công Chứng Việt Nam, thành viên Hiệp Hội Kế Toán và Kiểm Toán Viên Công Chứng Vương Quốc Anh. Nga thông thạo tiếng Anh và tiếng Việt

2. Ông Hunt Gia Macnguyen, sinh năm 1961, quốc tịch Mỹ, hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng đầu tư và kinh doanh với hơn 25 năm kinh nghiệm thực tiễn tại Mỹ và thị trường Châu Á mới nổi.

Ông đã từng nắm giữ các chức vụ điều hành tại các ngân hàng đầu tư quốc tế hàng đầu như Shearson Lehman Brothers, W.I. Carr, Merrill Lynch, và Nomura – chịu trách nhiệm về việc phát triển và thực hiện các dự án quốc tế về đầu tư trực tiếp và bảo lãnh phát hành chiến lược.

Ông đã có bằng Cử Nhân Thiết kế điện Đại học Pennsylvania, Thạc sĩ Thiết kế điện Đại học Lehigh và Thạc Sĩ Quản trị Kinh doanh trường Wharton Business School. Ông nói lưu loát tiếng Anh và tiếng Việt.

Các thành viên Ban Giám Đốc được hưởng thu nhập bao gồm tiền lương, tiền thưởng và chế độ bảo hiểm như mọi nhân viên làm việc tại VinaSecurities, ngoài ra không có quyền lợi gì khác.

Nhân sự chủ chốt bao gồm:

| | |
|---|--|
| MÔI GIỚI Robin Firth Hughes | Giám đốc Môi giới |
| TƯ VẤN Hunt Gia Macnguyen Hoàng Vũ Bình Ngô Hà Linh | Giám đốc Điều hành Giám đốc Tư Vấn Giám đốc Tư Vấn |
| NGHIÊN CỨU PHÂN TÍCH Adrian Cundy | Giám đốc Nghiên cứu và phân tích |

Tổ chức nhân sự

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, tổng số nhân viên đang làm việc tại VinaSecurities là 65 nhân viên.

Chính sách nhân sự

Chiến lược phát triển khách hàng của VinaSecurities tập trung vào các nhà đầu tư, do vậy các báo cáo phân tích và nhận định thị trường, dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp đòi hỏi cần có một đội ngũ có chuyên môn sâu và rộng, đồng thời có khả năng giao tiếp và viết tiếng Anh lưu loát do vậy VinaSecurities đã gặp không ít khó khăn trong việc tuyển dụng những nhân tài có đầy đủ chuyên môn và khả năng ngoại ngữ nhằm đáp ứng nhu cầu công việc.

Nhằm nâng cao tính cạnh tranh và thu hút nhân tài, VinaSecurities luôn xem xét tính thỏa mãn nhu cầu người lao động lên hàng đầu. Ngoài việc đáp ứng các nhu cầu tối thiểu, VinaSecurities còn thiết lập một cơ chế thăng tiến trong nghề nghiệp rất rõ ràng, bao gồm các tiêu chí đánh giá và phát triển một cách công bằng, kịp thời.

VinaSecurities luôn luôn lắng nghe ý kiến đóng góp của người lao động về việc cải tiến môi trường làm việc, văn hóa doanh nghiệp, quan hệ lãnh đạo và đồng nghiệp.

Ngoài việc hưởng tiền lương hấp dẫn, chế độ phép năm tốt, tiền thưởng cuối năm, VinaSecurities còn có chính sách chăm sóc sức khỏe người lao động bằng cách mua gói bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cao cấp cho cả người lao động và vợ/ chồng con của người lao động. Toàn bộ nhân viên VinaSecurities được hưởng đầy đủ các chính sách bảo hiểm bắt buộc theo luật định như bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế và bảo hiểm sức khỏe tự nguyện do VinaSecurities mua theo chương trình bảo hiểm Vietnam Care của Bảo Việt và Gras Savoye Will Vietnam.

Trong năm 2010, hơn 80% số lượng nhân viên toàn VinaSecurities đã được tham gia các khóa học chuyên môn về chứng khoán, có thêm 11 nhân viên thi đạt chứng chỉ hành nghề môi giới, tự doanh và quản lý quỹ.

Thông tin cổ đông và quản trị công ty

Hội đồng quản trị và ban kiểm soát
Các dữ liệu thống kê về cổ đông

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, không có thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nào sở hữu cổ phần của VinaSecurities.

Trong năm 2010, không có các giao dịch cổ phiếu hoặc chuyển nhượng phần vốn góp của VinaSecurities của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát, Kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

Trong năm 2010 không có phát sinh hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết với VinaSecurities của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát, Kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

Các dữ liệu thống kê về cổ đông

Cơ cấu cổ đông

| Stt | Danh mục | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ |
|-----|---|------------------|-------|
| 1 | Tổng số lượng cổ phần phổ thông | 18.500.000 | 100 % |
| | Cổ đông sáng lập | 3.700.000 | 20 % |
| | Cổ đông lớn | 18.500.000 | 100% |
| | Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phần có quyền biểu quyết | 0 | 0 % |
| 2 | Trong đó | | |
| | Nhà nước | 0 | 0% |
| | Người nước ngoài | 9.065.000 | 49% |

Cổ đông Nhà nước

Trong cơ cấu cổ đông của VinaSecurities tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 không có cổ đông nhà nước.

Cổ đông sáng lập

Danh sách cổ đông sáng lập của VinaSecurities tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

| STT | Họ và tên | Số giấy CMND, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ thường trú | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ |
|-----|----------------|--|---------------------------------------|------------------|-------|
| 1 | Trần Lệ Nguyễn | CMND số: 023062528, do Công an TP. HCM cấp ngày 10/10/1992 | 53 Nguyễn Tiểu La, P.5, Q.10, TP. HCM | 3.700.000 | 20% |

Cổ đông nước ngoài

Trong cơ cấu cổ đông của VinaSecurities tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cổ đông nước ngoài như sau:

| STT | Họ và tên | Số giấy CMND, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ thường trú | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ |
|-----|-----------------------|--|---------------------------------------|------------------|-------|
| 1 | VinaCapital Group Ltd | GCNDKKD: 5030696 do British Virgin Islands cấp | Lầu 17, 115 Nguyễn Huệ Quận 1, TP.HCM | 9.065.000 | 49% |